

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH

### CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1



(Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103000266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 03 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 2 năm 2008)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số ...../ĐKNY do Giám đốc Trung tâm giao dịch chứng khoán cấp ngày ..... tháng .....năm .....)

Bản cáo bạch này và các tài liệu liên quan sẽ được cung cấp từ ngày tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Truyền thông số 1  
Số 135 phố Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
2. Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)  
Số 72 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội  
Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
4. Chi nhánh Hải Phòng – Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn  
Số 22 Lý Tự Trọng – Quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng

Phụ trách công bố thông tin:

- Họ tên: Đỗ Liên Hương Chức vụ: Thư ký Hội đồng quản trị  
- Số điện thoại: 84.4 9765086 Fax: 84.4 9765123

Hà Nội, tháng .....năm 2008

# CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1

(Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103000266 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06 tháng 03 năm 2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 2 năm 2008)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Truyền thông số 1

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết: 2.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: 20.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

- ◆ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 272 295

Fax: (84.8) 8 272 300

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

- ◆ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

#### *I. Trụ sở chính*

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 242 897

Fax: (84.8) 8 247 430

Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn)

Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

#### *II. Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*

180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 2185 67

Fax: (84.8).2 910 590

***III. Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9366 321

Fax: (84.4) 9366 318

Email: [ssi\\_hn@ssi.com.vn](mailto:ssi_hn@ssi.com.vn)

***IV. Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

25 Trần Bình Trọng - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 9 426 718

Fax: (84.4) 9 426 719

***V. Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3 569 123

Fax: (84.31) 3 569 130

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>6</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù ngành .....	6
4. Rủi ro về thị trường.....	7
5. Rủi ro về biến động giá chứng khoán khi đăng ký niêm yết.....	7
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>8</b>
1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 .....	8
2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội .....	8
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>8</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>9</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết .....	9
1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	12
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	17
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết. ....	19
6. Hoạt động kinh doanh.....	19
6.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty.....	19
6.2 Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm.....	24
6.3 Quy trình cung cấp thiết bị và phát triển giải pháp.....	25
6.4 Nguyên vật liệu .....	26
6.5 Chi phí sản xuất.....	29
6.6 Hoạt động marketing và nghiên cứu thị trường .....	29
6.7 Trình độ công nghệ .....	30
6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền.....	30
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất .....	30
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất.....	30

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo .....	35
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....	36
8.1 Triển vọng phát triển của ngành .....	42
8.2 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	43
9. Chính sách đối với người lao động .....	44
9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty .....	44
9.2 Chính sách đối với người lao động: .....	44
10. Chính sách cổ tức .....	46
11. Tình hình tài chính .....	46
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	46
11.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản .....	48
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	49
12.1 Thành viên Hội đồng Quản trị .....	49
12.2 Thành viên Ban kiểm soát.....	55
12.3 Thành viên Ban Tổng Giám đốc .....	58
13. Tài sản .....	60
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008 – 2010 .....	61
15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	65
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.....	66
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>66</b>
1. Loại chứng khoán.....	66
2. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.....	66
3. Tổng số chứng khoán niêm yết .....	66
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành .....	66
5. Phương pháp tính giá .....	68
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: .....	68
7. Các loại thuế có liên quan: .....	68
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT .....</b>	<b>68</b>
1. Tổ chức Tư vấn .....	68
2. Tổ chức Kiểm toán.....	69
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>69</b>

# NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro về kinh tế

Là một thực thể của nền kinh tế hoạt động kinh doanh thương mại trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông, do đó bất cứ sự thay đổi nào của nền kinh tế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp, gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn giữ ở mức khá và ổn định. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2006 đạt 8,2%, năm 2007 đạt khoảng 8,55%, mục tiêu sang năm 2008 đạt từ 8,5-9%<sup>1</sup>. Đây là nhân tố vĩ mô có tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các đơn vị trong nền kinh tế nói riêng và Công ty nói chung; mặt khác nó còn khẳng định nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, tạo thêm cơ hội kinh doanh mới cho Công ty trong tương lai.

Tuy nhiên, những diễn biến phức tạp của lãi suất, lạm phát... cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của Công ty. Đặc biệt trong thời kỳ hội nhập nền kinh tế thì các biến động của giá dầu, năng lượng, nguyên vật liệu... tác động đến nền kinh tế thế giới càng trở nên khá nhạy cảm đối với nền kinh tế tại Việt Nam và chắc chắn có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của của hệ thống pháp luật liên quan. Mặt khác, khi đã trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật có thể ảnh hưởng bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù ngành

Xu thế hội nhập toàn cầu được diễn ra mạnh mẽ trong các lĩnh vực, ngành nghề của nền kinh tế. Những ứng dụng tiên tiến của công nghệ thông tin và truyền thông làm cho quá trình này được diễn ra càng nhanh và rộng hơn. Do đặc thù của ngành, các sản phẩm, giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông liên tục được đổi mới và rất nhanh bị lỗi thời.

<sup>1</sup> Nguồn: [http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat\\_name=05&id=a17fc1824b8ffe](http://www.vneconomy.vn/?home=detail&page=category&cat_name=05&id=a17fc1824b8ffe)

Trong khi cơ sở hạ tầng của ngành công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam chưa được đầu tư đồng bộ, công nghệ cũ kỹ, lạc hậu; trình độ dân trí về viễn thông và công nghệ thông tin chưa cao, đội ngũ lao động thiếu và yếu chưa đáp ứng được yêu cầu sẽ gây ra không ít khó khăn ảnh hưởng đến tốc độ và chiến lược phát triển của các doanh nghiệp trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông. Là một doanh nghiệp chuyên kinh doanh trong lĩnh vực này, Công ty có thể gặp phải những rủi ro từ những thực trạng và biến động bất lợi trên.

#### **4. Rủi ro về thị trường**

Hoạt động trong thị trường công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam có hàng nghìn doanh nghiệp tham gia trong đó bao gồm các doanh nghiệp nhà nước, tư nhân, cổ phần, doanh nghiệp nước ngoài. Sự cạnh tranh diễn ra giữa các doanh nghiệp trong ngành và cả giữa các hãng cung cấp các thiết bị, sản phẩm phục vụ cho chính các doanh nghiệp đó. Việt Nam đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO thì sự cạnh tranh này ngày càng khốc liệt hơn. Đó là sự cạnh tranh với các doanh nghiệp nước ngoài thành lập mới mà có khả năng tài chính mạnh, trình độ quản lý chuyên nghiệp, công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm thương trường... Chính những lợi thế này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho họ tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới với giá thấp hơn và chế độ hậu mãi cao.

Do vậy, để giữ vị thế cạnh tranh trong thị trường hội nhập, Công ty cần phải tiếp tục đổi mới trong hoạt động và quản lý doanh nghiệp, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ và chủ động về công nghệ; mở rộng đối tượng khách hàng sang các thị trường các doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách đãi ngộ trong việc thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao.

#### **5. Rủi ro về biến động giá chứng khoán**

Giá cổ phiếu của một công ty được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Ngoài ra, khi công ty đó phát hành tăng vốn, cổ phiếu bị pha loãng, thu nhập trên một cổ phiếu giảm. Giá cổ phiếu Công ty cổ phần Truyền thông số 1 cũng không nằm ngoài quy luật chung đó.

#### **6. Rủi ro khác**

Bên cạnh những rủi ro nêu trên, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể gặp phải một số rủi ro mang tính bất khả kháng như rủi ro về thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Truyền thông số 1

Ông Từ Long	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Đặng Anh Phương	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chức vụ: Kế toán trưởng
Ông Vũ Bình Minh	Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội

Đại diện: Ông Nguyễn Hoài Anh Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Truyền thông số 1. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 cung cấp.

## III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Truyền thông số 1
Tổ chức niêm yết	Công ty Cổ phần Truyền thông số 1
HĐQT	Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Truyền thông số 1
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
SSI	Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội - Tổ chức tư vấn
HASTC	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Điều lệ Công ty	Điều lệ Công ty Cổ phần Truyền thông số 1
Mạng ATM	Mạng truyền dẫn theo phương thức truyền dị bộ (không đồng bộ)



*(Asynchronous Transfer Mode)*

Mạng Frame Relay	Mạng truyền dẫn theo phương thức chuyển mạch khung
IP (Internet Protocol)	Giao thức internet
Mạng NGN (Next generation networks)	Mạng thế hệ tiếp theo
Công nghệ PDH (Plesiochronous Digital Hierachy)	Công nghệ truyền dẫn cận đồng bộ
Công nghệ SDH	Công nghệ truyền dẫn theo phân cấp đồng bộ
Công nghệ DWDM (Dense Wavelength Division Multiplexing)	Công nghệ ghép bước sóng quang
Dịch vụ ATM/FR	Dịch vụ cung cấp của các mạng chuyển mạch gói đa dịch vụ nhằm cung cấp các dịch vụ ATM và Frame Relay. Dịch vụ ATM (truyền dữ liệu phương thức không đồng bộ) và dịch vụ Frame Relay (truyền dữ liệu theo phương thức chuyển mạch khung) cho các khách hàng có yêu cầu cao về băng thông, chất lượng dịch vụ (QoS) và tính bảo mật

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1 Tên, địa chỉ của tổ chức niêm yết

- ◆ Tên gọi : Công ty Cổ phần Truyền thông số 1
- ◆ Tên giao dịch quốc tế : One Corporation
- ◆ Tên viết tắt : One Corp
- ◆ Địa chỉ : Số 135 Đường Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội
- ◆ Điện thoại : 84.4 9765086 Fax: 84.4 9765123
- ◆ Website: [www.one.com.vn](http://www.one.com.vn) : Email: [info@one.com.vn](mailto:info@one.com.vn)



- ◆ Logo :
- ◆ Mã số thuế : 0100233174
- ◆ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:
  - Từ năm 1994 đến 1998: Hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực tin học (cung cấp và lắp đặt các hệ thống mạng tin học, cung cấp máy tính và thiết bị ngoại vi);
  - Từ năm 1998 đến 2000: Mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông (cung cấp và lắp đặt các hệ thống tổng đài PABX, các hệ thống truyền dẫn quang);
  - Từ năm 2000 đến 2005: Mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông (cung cấp và lắp đặt các hệ thống mạng đa dịch vụ);
  - Từ năm 2005 đến 2007: Mở rộng kinh doanh trong lĩnh vực viễn thông (cung cấp và lắp đặt các hệ thống trung tâm dịch vụ khách hàng – Contact Center, cung cấp cáp quang, các hệ thống thiết bị truy nhập);
  - Hiện nay, các lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 9 ngày 05 tháng 02 năm 2008 bao gồm:
    - Buôn bán hàng tư liệu sản xuất, hàng tư liệu tiêu dùng;
    - Dịch vụ về thương mại;
    - Dịch vụ về điện tử, tin học;
    - Sản xuất, chuyển giao các phần mềm;
    - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; Buôn bán các thiết bị viễn thông;
    - Buôn bán các thiết bị chống sét;
    - Tư vấn và thiết kế các hệ thống mạng thông tin, tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ;
    - Buôn bán và cung cấp các thiết bị điện tử, tin học các hệ thống điện công nghiệp, báo cháy, báo trộm, bảo vệ (không bao gồm thiết kế công trình);
    - Thi công lắp đặt, cài đặt các hệ thống mạng thông tin tin học, viễn thông, chống sét, điện công nghiệp đến 110 KV, báo cháy, báo trộm, bảo vệ;
    - Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng trong lĩnh vực viễn thông (bao gồm cả qua điện thoại).
- ◆ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn)
- ◆ Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 24/03/2008

**Bảng 1:** Cơ cấu vốn cổ phần thời điểm 24/03/2008

Chỉ tiêu	Số lượng Cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Cổ phần của cổ đông là CBCNV trong Công ty	890.000	8.900.000.000	44,5
Cổ phần của cổ đông bên ngoài	1.110.000	11.100.000.000	55,5
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>
Tổ chức	0	0	0
- Trong nước			
- Nước ngoài			
Cá nhân	2.000.000	20.000.000.000	100
- Trong nước	2.000.000	20.000.000.000	100
- Nước ngoài	0	0	0
<b>Tổng số cổ phần</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

## 1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

### Quá trình hình thành và phát triển

- Năm 1994, công ty TNHH One (tiền thân của One Corporation) được thành lập.
- 3/2001, công ty TNHH One được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thương mại và công nghệ tin học Số 1 (ONE JSC) với số vốn điều lệ 10 tỷ đồng, hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực viễn thông và mạng dữ liệu.
- 1/9/2007, One JSC tăng vốn điều lệ lên 20 tỷ đồng để đáp ứng được nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh và định hướng phát triển của Công ty.
- 12/2007, Công ty Cổ phần Thương mại và công nghệ tin học Số 1 (ONE JSC) được đổi tên thành Công ty Cổ phần Truyền Thông số 1 (One Corporation).

### Quá trình tăng vốn điều lệ:

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký (VNĐ)	Vốn thực góp (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức	Ghi chú
Đăng ký kinh doanh lần đầu 06/3/2001	10.000.000.000	1.200.000.000			Mệnh giá 1.000.000 đồng
31/12/2006	10.000.000.000	6.255.043.000 <sup>1</sup>			
10/10/2007	20.000.000.000	20.000.000.000	10.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông cho	Mệnh giá 10.000 đồng.

				các cổ đồng hiện hữu và cán bộ nhân viên.	
--	--	--	--	---	--

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

(1): Trong quý I/2007, các cổ đông của Công ty đã nộp đủ tiền để nâng vốn thực góp lên 10 tỉ đồng. Trong quý II và III năm 2007, các cổ đông đã nộp thêm 10 tỉ đồng để tăng vốn điều lệ và vốn thực góp lên 20 tỉ đồng (góp vốn bằng tiền mặt).

## 2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- o Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.
- o Điều lệ Công ty được Đại hội đồng Cổ đông lần I ngày 25/2/2001 thông qua và Điều lệ sửa đổi bổ sung lần thứ nhất (theo điều lệ mẫu của các tổ chức niêm yết) được Đại hội đồng Cổ đông năm 2007 nhất trí thông qua tại Nghị quyết số 010807/ĐHĐCĐ-QĐ ngày 30/08/2007 và có hiệu lực đến nay.

### ◆ Trụ sở chính:

- Số 135 Đường Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp Hà Nội
- Điện thoại: 84.4 9765086/9761122 Fax: 84.4 9765123

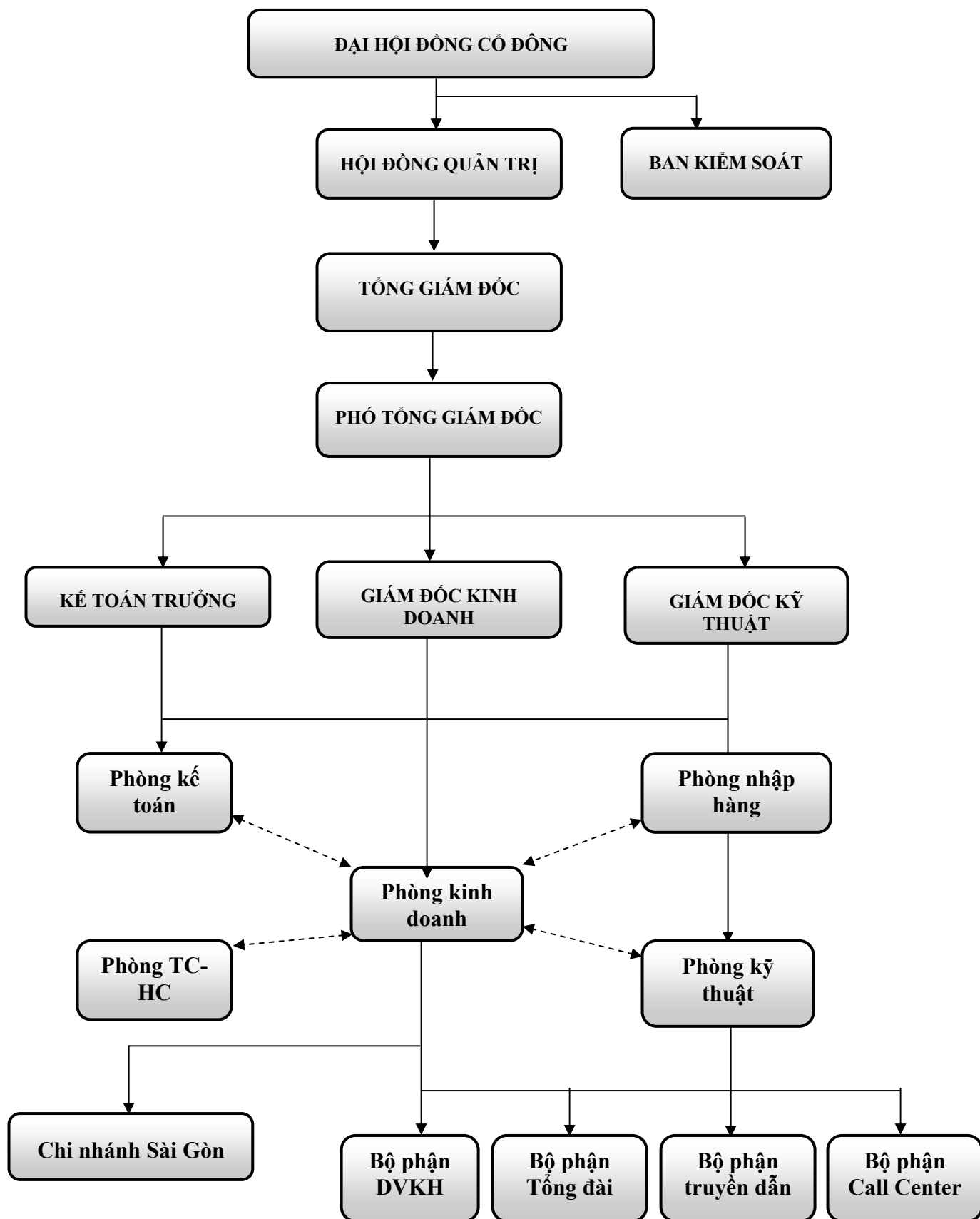
### ◆ Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: 129 Đề Thám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: 84.8 9205633 Fax: 84.8 9205636

## 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần như sau:

**Hình 1:** Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Truyền thông số 1



**◆ Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát...

**◆ Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 7 thành viên:

- Ông: Từ Long - Chủ tịch
- Ông: Lư Hồng Chiếu - Phó Chủ tịch
- Ông: Nguyễn Doãn Lê Minh - Ủy viên
- Bà: Nguyễn Thị Hợp - Ủy viên
- Ông Nguyễn Hà Thanh - Ủy viên
- Ông: Đặng Anh Phương - Ủy viên
- Ông: Hoàng Hà - Ủy viên

**◆ Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại như sau:

- Ông Vũ Bình Minh - Trưởng ban Kiểm soát
- Ông Trần Minh Tân - Ủy viên
- Bà Đỗ Liên Hương - Ủy viên

**◆ Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các phó Tổng Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

- Ông: Đặng Anh Phương – Tổng Giám đốc
- Ông: Hoàng Hà – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật (Tư vấn giải pháp)
- Ông: Lư Hồng Chiếu – Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính và quản trị
- Ông: Nguyễn Hà Thanh – Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Ông: Lê Việt Thắng – Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật (Triển khai)

◆ **Phòng Kỹ thuật**

Phòng Kỹ thuật tham mưu cho ban Tổng Giám đốc, quản lý và thực hiện các hoạt động cụ thể như sau:

- ✓ Khảo sát, tư vấn, thiết kế các hệ thống viễn thông, tin học cho khách hàng ;
- ✓ Triển khai lắp đặt, tích hợp hệ thống, vận hành và cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành bảo trì các hệ thống viễn thông tin học ;
- ✓ Tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm và ứng dụng các công nghệ, giải pháp và sản phẩm mới để tư vấn cho Tổng Giám đốc về chiến lược sản phẩm, giải pháp và xu hướng công nghệ;
- ✓ Xây dựng các chỉ tiêu, định mức kinh tế - kỹ thuật;
- ✓ Quản lý chất lượng sản phẩm;
- ✓ Tổ chức Công tác khoa học kỹ thuật, sáng kiến, nghiên cứu sản phẩm mới;
- ✓ Quản lý và phụ trách công tác đào tạo kỹ thuật;
- ✓ Quản lý hồ sơ, tài liệu kỹ thuật;
- ✓ Triển khai và chỉ đạo triển khai các bộ phận dịch vụ khách hàng, Tổng đài, Call Center, truyền dẫn trong quá trình thực hiện các hợp đồng kinh tế.

◆ **Phòng Nhập hàng**

- ✓ Tư vấn cho Tổng Giám đốc về các chính sách xuất nhập khẩu theo quy định của nhà nước;
- ✓ Tư vấn cho Tổng Giám đốc về chính sách giá cả và hỗ trợ liên quan đến hàng hóa của các nhà cung cấp;
- ✓ Tổ chức công tác xuất nhập khẩu và các thủ tục xuất nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật;
- ✓ Tổ chức Nhập hàng, quản lý hồ sơ hàng hoá, đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh và hiệu quả kinh tế;
- ✓ Xây dựng, thiết lập và quản lý thông tin hồ sơ về các nhà cung cấp.

◆ **Phòng Tổ chức hành chính**

Giúp việc và tham mưu cho ban Tổng Giám đốc các công việc sau:

- ✓ Điều hành và quản lý các hoạt động nhân sự và hành chính của toàn Công ty;
- ✓ Thiết lập và đề ra các kế hoạch và chiến lược để phát triển nguồn nhân lực;
- ✓ Hỗ trợ cho các chi nhánh về các vấn đề về nhân sự, hành chính một cách tốt nhất;

- ✓ Xây dựng nội quy, quy chế, chính sách về nhân sự và hành chính cho toàn Công ty;
- ✓ Tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện các quy chế, chính sách về hành chính, nhân sự phù hợp với thực tế của Công ty và với chế độ hiện hành của Nhà nước;
- ✓ Tiếp nhận và luân chuyển các thông tin, ban hành các văn bản đối nội, đối ngoại, các thông báo hội nghị của Lãnh đạo Công Ty;
- ✓ Thực hiện các nhiệm vụ lễ tân, tổ chức và phục vụ hội nghị, hội họp, tiếp khách của Công ty;
- ✓ Quản lý văn phòng, nhà làm việc, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị văn phòng, các phương tiện phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

#### ◆ Phòng Tài chính kế toán

- ✓ Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính, kế toán;
- ✓ Tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc về tình hình tài chính và các chiến lược về tài chính;
- ✓ Lập báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán; báo cáo quản trị theo yêu cầu quản lý Công ty;
- ✓ Lập dự toán ngân sách, phân bổ và kiểm soát ngân sách cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- ✓ Dự báo các số liệu tài chính, phân tích thông tin, số liệu tài chính kế toán;
- ✓ Quản lý vốn đề xuất các phương án huy động và sử dụng vốn nhằm đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh và việc đầu tư của Công ty có hiệu quả;
- ✓ Xây dựng các quy chế, quy định về lĩnh vực hoạt động tài chính kế toán;
- ✓ Xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty;
- ✓ Quản lý và lưu trữ sổ sổ đông, danh sách trả cổ tức, thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu.

#### ◆ Phòng Kinh doanh

- ✓ Tư vấn cho Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Công ty, xây dựng chính sách giá cả đối với các loại sản phẩm, giải pháp;
- ✓ Là đầu mối làm việc trực tiếp với khách hàng, thu thập và quản lý các thông tin về khách hàng, duy trì quan hệ hợp tác với khách hàng;



- ✓ Nắm bắt thông tin về đối thủ cạnh tranh, sản phẩm và công nghệ của đối thủ cạnh tranh để phân tích và có điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp;
- ✓ Phụ trách công tác đấu thầu của Công ty;
- ✓ Là phòng trung tâm phối hợp với các phòng ban chức năng Công ty trong quá trình thu thập và xử lý thông tin trước, trong và sau khi thực hiện các hợp đồng kinh tế của Công ty;
- ✓ Phối hợp phòng tài chính lập Kế hoạch thu hồi công nợ.

◆ **Các bộ phận: Dịch vụ khách hàng, tổng đài, truyền dẫn, call center**

- ✓ Tham gia công tác tư vấn, xây dựng giải pháp kỹ thuật cho khách hàng;
- ✓ Triển khai thực hiện các nội dung công việc theo hợp đồng kinh tế đã ký kết;
- ✓ Phối hợp phòng kỹ thuật với xây dựng quy trình kỹ thuật lắp đặt chuyển giao các sản phẩm Công ty.

◆ **Chi nhánh Sài Gòn**

- ✓ Triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty tại thị trường phía Nam;
- ✓ Tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh theo kế hoạch do Tổng Giám đốc phê duyệt.

**4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ**

**Bảng 2:** *Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 24/03/2008*

TT	Cổ đông	Số cổ phần (Cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Đặng Anh Phương	206.500	2.065.000.000	10,325
2	Lư Hồng Chiêu	101.500	1.015.000.000	5,075
3	Nguyễn Doãn Lê Minh	107.500	1.075.000.000	5,375

*(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)*

**Bảng 3:** Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (\*)

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Doãn Lê Minh	187.500	1.875.000.000	9,375
2	Từ Long	125.000	1.250.000.000	6,25
3	Phạm Thị Thanh Tâm	62.500	625.000.000	3,125
	<b>Tổng cộng</b>	<b>375.000</b>	<b>3.750.000.000</b>	<b>18,75</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

(\*): Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000266 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 02 năm 2008.

Theo Luật doanh nghiệp, trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty cổ phần thành lập, các cổ đông sáng lập kể trên chỉ được tự do chuyển nhượng phần cổ phần sáng lập cho cổ đông sáng lập khác trong Công ty. Trường hợp cổ đông sáng lập muốn chuyển nhượng cho cổ đông khác không phải là cổ đông sáng lập thì phải được sự thông qua của Đại hội đồng Cổ đông. Công ty cổ phần Truyền thông số 1 đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 06/3/2001, do vậy các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

**Bảng 4:** Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 24/3/2008

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị theo mệnh giá (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Doãn Lê Minh	107.500	1.075.000.000	5,375
2	Từ Long	92.000	920.000.000	4,600
3	Phạm Thị Thanh Tâm	62.500	625.000.000	3,125
	<b>Tổng cộng</b>	<b>262.000</b>	<b>2.620.000.000</b>	<b>13,100</b>

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/03/2008 như sau:

**Bảng 5:** Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 24/03/2008

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	262.000	2.620.000.000	13,10
2	Cổ đông phổ thông	1.738.000	17.380.000.000	86,90
	<b>Tổng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cán bộ công nhân viên	890.000	8.900.000.000	44,5
3	Cổ đông bên ngoài	1.110.000	11.100.000.000	55,5

	<b>Tổng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông trong nước	2.000.000	20.000.000.000	100
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0
	<b>Tổng</b>	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	2.000.000	20.000.000.000	100
	Tổng	<b>2.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

**5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết. (Không có)**

Công ty không nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của đơn vị khác và không bị đối tượng khác nắm kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1 Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty**

Hiện nay, Công ty hoạt động trong 2 mảng kinh doanh chính: mảng 1 kinh doanh sản phẩm và giải pháp viễn thông tin học bao gồm: cung cấp và lắp đặt các hệ thống mạng tin học, máy tính và thiết bị ngoại vi; kinh doanh thiết bị tổng đài kèm theo phát triển giải pháp tổng đài, thiết bị hạ tầng viễn thông như cáp quang...; mảng 2: kinh doanh dịch vụ về viễn thông tin học.

**Mảng 1: Kinh doanh sản phẩm và giải pháp về viễn thông tin học**

Công ty cung cấp các giải pháp tổng thể cho các nhu cầu về viễn thông tin học từ cơ sở hạ tầng viễn thông cho tới các ứng dụng trên mạng viễn thông tin học cho các khách hàng là nhà cung cấp, các Bộ, Ngành, doanh nghiệp, ngân hàng và trường học, sản phẩm và giải pháp bao gồm:

***Cung cấp cáp quang phục vụ phát triển hạ tầng viễn thông gồm:***

- Cáp quang viễn thông ngầm (chôn trực tiếp và luồn cống)
- Cáp quang viễn thông treo (ADSS, F8)
- Cáp quang viễn thông kèm theo dây chống sét (OPGW)
- Các loại phụ kiện và dịch vụ hàn nối, đo kiểm cáp quang.
- Công ty là đối tác chính thức tại Việt Nam của ZTT (Jiangsu Zhongtian Tecknology) là nhà sản xuất cáp quang với sản lượng đứng đầu thế giới.

Đây là mảng kinh doanh quan trọng của Công ty

***Thiết bị và giải pháp truyền dẫn quang***

Triển khai các hệ thống truyền dẫn quang theo công nghệ truyền thông như PDH, SDH đến các công nghệ mới như ghép bước sóng quang (DWDM) hoặc mạng quang nội vùng (MAN-E: Metropolitan Area Network – Ethernet)

Công nghệ PDH, SDH cung cấp các dịch vụ TDM truyền thống, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, công nghệ ghép bước sóng quang (DWDM) cho phép cải thiện tốc độ truyền của các hệ thống.

Về sản phẩm, Công ty là đối tác chính thức tại Việt Nam của Nortel và Alcatel-Lucent

***Thiết bị đầu cuối và phát triển giải pháp mạng đa dịch vụ***

Xu thế chung của ngành viễn thông là các giải pháp mạng hội tụ trong đó các ứng dụng về thoại (voice), hình ảnh (video) và các dữ liệu (data) được tích hợp trên một đường truyền duy nhất. Công ty đã triển khai nhiều hệ thống mạng đa dịch vụ cho các khách hàng như hệ thống mạng đa dịch vụ trên quy mô toàn quốc cho Tổng cục Kỹ thuật - Bộ Công an, hệ thống mạng đa dịch vụ ATM/Frame Relay/IP lớn nhất tại Việt Nam cho Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC) cho phép VDC cung cấp dịch vụ ATM/Frame Relay cho các khách hàng đặc biệt là các khách hàng quốc tế, hệ thống mạng đa dịch vụ của Đại học Quốc tế RMIT VN...

Công ty là đối tác cung cấp các sản phẩm, giải pháp mạng đa dịch vụ của Nortel và Alcatel-Lucent tại Việt Nam

***Sản phẩm và giải pháp hệ thống truy nhập băng thông rộng (xDSL) và truy nhập đa dịch vụ (MSAN - Multi Service Access Node)***

Giải pháp truy nhập đa dịch vụ (MSAN - Multi Service Access Node) cung cấp các dịch vụ truy cập đa dạng cho người dùng bao gồm các dữ liệu thoại, video, data trên cùng một hạ tầng. Trong thời điểm bùng nổ internet, intranet hiện nay, các ứng dụng băng thông rộng phát triển với tốc độ nhanh chóng. Công ty đã triển khai các hệ thống truy cập đa dịch vụ cho các khách hàng lớn như Công ty Điện lực 3, Bưu điện Gia lai. Công ty là đối tác chiến lược tại Việt nam của Keymile.

***Thiết bị tổng đài đầu cuối và phát triển giải pháp tổng đài nội bộ (PABX)***

Công ty có 10 năm kinh trong lĩnh vực cung cấp các giải pháp tổng đài nội bộ cho các khách hàng. Các sản phẩm cung cấp là các chủng loại PABX của Nortel và Alcatel-Lucent với công nghệ truyền thống (TDM) và công nghệ IP, giải pháp tổng đài với dây dẫn và không dây.

Các khách hàng truyền thống của Công ty trong lĩnh vực này là:

- Các Bộ, Ngành: Bộ Công an (Hệ thống Tổng đài cho 10 Công an Tỉnh Thành), Bộ Quốc Phòng (Hệ thống Tổng đài cho 9 Quân khu, Binh chủng), Bộ Tài chính (Hệ thống tổng đài hơn 2000 số cho Trụ sở chính của Bộ Tài chính), Trung tâm Quản lý Bay dân dụng Việt nam, Trung tâm Quản lý Bay Miền Bắc...
- Doanh nghiệp nhà nước: Ngân hàng Công thương VN, Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC)...
- Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Đại học Quốc tế RMIT VN, Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC), Prudential VN, Chuỗi các nhà máy của Tập đoàn Hồng Hải (Foxconn/Đài loan), UPS VN, các khách sạn lớn như Park Hyatt, Legend SG, New World SG, Omni SG, Metropole Sofitel, Opera Hilton...

***Thiết bị đầu cuối và phát triển giải pháp trung tâm liên lạc khách hàng (Contact Center)***

Mảng sản phẩm này được cung cấp cho các doanh nghiệp với mục đích chăm sóc, hỗ trợ khách hàng từ mọi phương diện liên lạc như telephone, fax, email... thông qua một hệ thống trung tâm (Trung tâm liên lạc khách hàng – Contact Center).

Đây là mảng kinh doanh quan trọng của Công ty và đã triển khai nhiều hệ thống có quy mô lớn.

Công ty là đối tác chiến lược cung cấp các giải pháp Contact Center chuyên nghiệp của Nortel và Alcatel-Lucent; các giải pháp về ghi âm, giám sát, đánh giá tính điểm và quản trị nhân lực (Work Force Management) của Verint (Witness Systems & Mercom Audiolog).

Các khách hàng lớn trong lĩnh vực này bao gồm:

- Nhà cung cấp dịch vụ: Công ty Thông tin di động (VMS) và Công ty Viễn thông liên tỉnh (VTN). Hệ thống Contact Center của VMS (đầu số 18001090) phục vụ

việc giải đáp chăm sóc khách hàng mạng điện thoại di động Mobifone là hệ thống chuyên nghiệp và có quy mô lớn. Hệ thống Contact Center của VMS bao gồm gần 1000 bàn điện thoại viên có quy mô toàn quốc (Trung tâm 1 tại HN, Trung tâm 2 tại TP HCM, Trung tâm 3 tại Đà Nẵng, Trung tâm 4 tại Cần Thơ).

- Dịch vụ 1080 của Bưu điện các Tỉnh Thành: Hệ thống Contact Center của Đài 1080 Bưu điện Đồng Nai (số dịch vụ 0611080 và các đầu số 061801xxx) là hệ thống 1080 chuyên nghiệp phục vụ nhu cầu giải đáp thông tin kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao.... Công ty đã triển khai thành công việc đưa toàn bộ các dịch vụ giải đáp thông tin của đài 1080 Bưu điện Đồng Nai thành các hộp thư trả lời tự động kết hợp với trả lời nhân công và quan trọng nhất là giải quyết được hệ thống tính cước chính xác cho toàn bộ các dịch vụ của Đài 1080. Mô hình này hoàn toàn có thể nhân rộng cho Bưu điện các Tỉnh Thành khác để giải quyết nhu cầu giải đáp thông tin ngày càng nhiều tại các Tỉnh Thành.
- Tài chính Ngân hàng: Công ty đã triển khai thành công hệ thống Contact Center của Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (HSBC) với đầu số 18001554. Đây là hệ thống Banking Contact Center chuyên nghiệp đầu tiên trong lĩnh vực Ngân hàng tại Việt Nam phục vụ việc giải đáp, chăm sóc khách hàng, tích hợp với đầy đủ các ứng dụng Ngân hàng.
- Doanh nghiệp: ONE cũng đã triển khai thành công hệ thống Contact Center giải đáp chăm sóc khách hàng sử dụng điện và dịch vụ viễn thông tại Công ty Điện lực Đà Nẵng với số dịch vụ 05113222000. Cho đến thời điểm hiện nay, đây cũng là hệ thống Contact Center đầu tiên và duy nhất trong tập đoàn EVN.

Trong năm 2008 và các năm tiếp theo, Công ty dự kiến sẽ triển khai mở rộng nhiều hệ thống Contact Center cho các nhà cung cấp dịch vụ, Bưu điện các Tỉnh Thành, các doanh nghiệp về Tài chính, Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, bất động sản... và các nhà cung cấp dịch vụ giải đáp khách hàng (Outsource Contact Center).

### ***Phát triển giải pháp về trung tâm dữ liệu (Data Center)***

Hiện nay, các nhà cung cấp dịch vụ các doanh nghiệp trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng đang có nhu cầu thiết lập các trung tâm dữ liệu chuyên nghiệp có độ an toàn, ổn định và tính sẵn sàng cao. Công ty đã triển khai hệ thống Data Center cho Trung tâm Điện toán và Truyền số liệu Khu vực 1 (VDC1) và Trung tâm Thư viện và Mạng (Thư viện Tạ Quang Bửu) của Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội. Trong đó cung cấp các giải pháp trọn gói

cho các hệ thống data center dựa trên nền tảng mạng với hạ tầng hướng dịch vụ, được hiện thực nhờ công nghệ ảo hoá, nhằm tạo nên một hệ thống hạ tầng hợp nhất tài nguyên server, lưu trữ và mạng. Cung cấp cơ sở hạ tầng của trung tâm dữ liệu (không gian, điện, điều hòa, tủ rack, hệ thống phòng cháy chữa cháy...) cho các doanh nghiệp, tổ chức với chất lượng đạt tiêu chuẩn Data Center của thế giới. giúp khách hàng khai thác tài nguyên trung tâm dữ liệu (TTDL) hiệu quả hơn, xây dựng các mạng SAN (Storage Area Network) ít tốn kém hơn và tăng cường tính bảo mật dữ liệu.

### ***Sản phẩm và giải pháp về hệ thống mạng dữ liệu và giải pháp bảo mật trên mạng***

Triển khai nhiều hệ thống mạng, hệ thống mạng có dây dẫn (Wireline) và không dây (Wireless), hệ thống an ninh an toàn trên mạng.

### ***Sản phẩm và giải pháp về truyền hình hội nghị (Video Conferencing) trên nền IP***

Một trong những ứng dụng quan trọng trên mạng IP là giải pháp về Truyền hình hội nghị trong đó các phiên hội nghị trực tiếp được thực hiện trên cơ sở hạ tầng mạng IP có sẵn của khách hàng.

Công ty đã triển khai thành công nhiều hệ thống hội nghị truyền hình trên nền IP cho các khách hàng tại VN: Tổng cục Kỹ thuật Bộ Công an, Cục Hồ sơ An ninh Bộ Công an, Tổng cục Hậu cần Bộ Công an, Công ty Viễn thông Điện lực EVN Telecom (thâu phụ của Siemens) với giải pháp và sản phẩm của RAD VISION, Sony.

### ***Giải pháp phần mềm ứng dụng và các dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng***

Cùng với việc nghiên cứu, triển khai các hệ thống viễn thông tin học nêu trên, Công ty đã và đang đẩy mạnh triển khai các dịch vụ gia tăng trên mạng như Phần mềm ứng dụng trên mạng, các dịch vụ cung cấp nội dung, các dịch vụ giải đáp khách hàng trọn gói qua mạng...

### **Mảng 2: Kinh doanh dịch vụ vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hạ tầng viễn thông**

Bên cạnh mảng kinh doanh chính - kinh doanh sản phẩm và giải pháp viễn thông tin học, Công ty còn kinh doanh dịch vụ là thực hiện các hợp đồng vận hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho nhiều khách hàng lớn như Ngân hàng HSBC, Đại học Quốc tế RMIT VN, Công ty VMS, VDC...

Xu thế của ngành viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới cũng như tại Việt Nam là chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Khách hàng hiện nay có xu hướng không duy trì

bộ máy quá công kênh với bộ phận viễn thông và tin học chuyên trách mà dần dần có yêu cầu thuê mua các dịch vụ vận hành, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật. Trong tương lai, mảng kinh doanh dịch vụ sẽ được đẩy mạnh tập trung.

## 6.2 Doanh thu sản phẩm, dịch vụ qua các năm

**Bảng 6:** Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm (2006 - 2007)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên sản phẩm	2006		2007	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Sản phẩm và giải pháp</b>	<b>94.031</b>	<b>98,95</b>	<b>140.985</b>	<b>98,95</b>
1.	Cáp quang	14.000	14,73	80.000	56,15
2.	Mạng và thiết bị mạng (Enterprise)	29.000	30,52	16.000	11,23
3.	Mạng, thiết bị mạng (Carrier)	8.000	8,42	6.000	4,21
4.	SDH và Access	25.000	26,31	14.985	10,52
5.	Tổng đài và Contact Center	5.431	5,71	14.000	9,83
6.	Video Conferencing	600	0,63	1.000	0,70
7.	Máy tính và thiết bị	12.000	12,63	9.000	6,31
<b>II</b>	<b>Dịch vụ</b>	<b>1.000</b>	<b>1,05</b>	<b>1.500</b>	<b>1,05</b>
	<b>Tổng</b>	<b>95.031</b>	<b>100</b>	<b>142.485</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

Trong giai đoạn từ năm 2005-2006, các sản phẩm như máy tính, thiết bị ngoại vi; mạng và thiết bị mạng... là mặt hàng kinh doanh chính và chiếm tỷ trọng cao trong doanh thu; các sản phẩm như cáp quang, hệ thống Contact Center, các thiết bị tổng đài mới được chỉ cung cấp thí điểm. Đến năm 2007, Công ty đã chủ động chuyển dịch mạnh dòng sản phẩm từ máy tính và thiết bị ngoại vi sang cung cấp các thiết bị viễn thông đầu cuối và phát triển giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông (cáp quang, hệ thống contact center, các thiết bị tổng đài) cho thị trường và triển khai trên diện rộng. Công ty đã ký kết nhiều hợp đồng cung cấp trọn gói có giá trị lớn với Công ty Điện lực 3, Công ty Điện lực 2 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu sản phẩm cáp quang, tổng đài và Contact Center trong các năm từ 2006-2007 tăng cả về mặt giá trị và tỷ trọng. Năm 2006, doanh thu từ cáp quang chiếm 14,68% tổng doanh thu, đến năm 2007 chiếm 56% tổng doanh thu, tăng 471% về mặt giá trị, 282% về mặt tỷ trọng; năm 2006 doanh thu từ tổng đài và Contact Center chiếm 5,69% tổng doanh thu, đến năm 2007 chiếm 9,8% tổng doanh thu, tăng



158% về mặt giá trị, 72% về mặt tỷ trọng 10,4% doanh thu, tăng 48,9% về mặt giá trị, 14,3% về mặt tỷ trọng.

### 6.3 Quy trình cung cấp thiết bị và phát triển giải pháp

Thông thường đối với các dự án lớn, Công ty phải tham gia đấu thầu để có được dịch vụ cung cấp cho khách hàng, cụ thể như sau:



Thời gian giao hàng thông thường khoảng 4 đến 10 tuần kể từ ngày ký kết hợp đồng; thời gian lắp đặt, chuyển giao công nghệ khoảng 2 đến 8 tuần. Thời gian bảo hành phụ thuộc vào yêu cầu của khách hàng, trong trường hợp khách hàng yêu cầu bảo hành dài hơn so với thời gian bảo hành của nhà cung cấp, Công ty sẽ phải trả thêm phí bảo hành cho nhà cung cấp và sẽ tính vào phí hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Do tính nghiêm ngặt về tiến độ thực hiện dự án nên đòi hỏi công tác quản trị và lên kế hoạch phải được tính toán kỹ lưỡng. Trước khi đưa ra bản chào thầu, Công ty phải làm việc với các nhà cung cấp để đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu về chất lượng, chủng loại sản phẩm và thời gian thực hiện, sẵn sàng triển khai khi nhận được kết quả trúng thầu.

## 6.4 Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chỉ dùng cho hoạt động kinh doanh thiết bị viễn thông, tổng đài, hạ tầng viễn thông và phát triển giải pháp viễn thông, tin học. Do đặc thù kinh doanh của Công ty là cung cấp các máy móc, thiết bị phục vụ cho hệ thống tổng đài, hệ thống tổng đài của VMS... nên nguồn nguyên, vật liệu chủ yếu được nhập khẩu chiếm tỷ lệ 93%, còn lại 7% là các vật tư, phụ kiện mua trong nước phục vụ cho việc thi công, lắp đặt.

Nguồn nguyên, vật liệu nhập khẩu bao gồm các loại:

- ◆ Hệ thống tổng tài và truyền dẫn của Nortel được nhập từ các nước Canada, Mỹ, Anh, Singapore.
- ◆ Hệ thống tổng đài và truyền dẫn của Alcatel-Lucent được nhập khẩu từ các nước Pháp, Ý
- ◆ Hệ thống thiết bị truy nhập và truyền dẫn của Keymile được nhập khẩu từ Thụy Sĩ, Đức.
- ◆ Sản phẩm cáp quang của ZTT được nhập khẩu từ Trung Quốc.

*Một số nhà cung cấp sản phẩm viễn thông tin học cho Công ty:*

### **Jiangsu Zhongtian Technologies**



ZTT là doanh nghiệp công nghệ cao hàng đầu của Trung Quốc sản xuất các sản phẩm truyền thông sợi quang. Các sản phẩm nổi tiếng ADSS; OPGW; SOFC; cáp quang 960 sợi và dây nối cáp quang.

One Corp là đối tác với ZTT từ năm 2005, cung cấp các sản phẩm cáp quang của hãng cho các doanh nghiệp trong nước như Công ty Điện lực 3, Công ty Điện lực 2, Công ty Truyền tải điện 2

### **Keymile**



Keymile là nhà sản xuất các thiết bị đa truy cập, thiết bị viễn thông nổi tiếng thế giới & hiện có nhà máy sản xuất tại Hanover (Đức), Thụy Sĩ, và Braxin.

Các sản phẩm của Keymile bao gồm: Milegate; UMUX; HYTAS; Line Runner DSL; Line Runner ESCADA; UNEM/UCST.

One Corp là đối tác của Keymile từ năm 2005 & đã cung cấp thiết bị truy cập của Keymile cho Bưu điện Gia Lai, Công ty Điện lực 3, Công ty Truyền tải điện 2 và các đơn vị khác trong Tổng Công ty Điện lực Việt nam.

### **Alcatel- Lucent**



Alcatel-Lucent

Alcatel-Lucent có trụ sở chính tại Pháp và hiện hoạt động trên 130 quốc gia. Các sản phẩm và giải pháp mà Alcatel-Lucent cung cấp cho các doanh nghiệp hiện có là: Tổng đài/Contact Center; Unified communications; IP telephone; IP networking; Network Management Software; Security Solutions; Professional Services.

Công ty là Premium Partner của Alcatel-Lucent. Các sản phẩm và giải pháp của hãng do Công ty cung cấp là hệ thống tổng đài PABX và Hệ thống Contact Center, Hệ thống thiết bị truyền dẫn quang ....

### **Nortel Networks**



Nortel có mặt trên 150 quốc gia, trong đó được đặc biệt tin cậy bởi các công ty top 500 của Fortune và các tổ chức chính phủ. Nortel cung cấp đa dạng các giải pháp, trong đó có: Customer contact; LAN/MAN/WAN; Optical Networks; Phone, clients, accessories; Security & VPN; Voice, Media, and Unified communication; Wireless network.

Công ty là đối tác của Nortel trong 11 năm và hiện nay là đối tác bạc (Silver) duy nhất của Nortel tại Việt nam. Các giải pháp của Nortel mà Công ty đã cung cấp cho khách hàng gồm có: Thiết bị truyền dẫn quang (Optical Transmission); Hệ thống tổng đài PABX và hệ thống Contact Center (hay còn gọi là Call Center - Trung tâm giải đáp khách hàng); Thiết bị mạng đa dịch vụ và mạng dữ liệu.

Trong các năm gần đây, Công ty đã ký kết và thực hiện nhiều hợp đồng cung cấp lớn. Năm 2005, Công ty đã ký kết gần 80 hợp đồng; năm 2006 ký kết hơn 100 hợp đồng; đặc biệt năm 2007 thực hiện 150 hợp đồng.

**Bảng 7:** Một số hợp đồng mua nguyên vật liệu đã thực hiện:

STT	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (USD)
1.	002-005/One - Keymile	16/3/2005	Thiết bị truyền dẫn	227.272,31
2.	01-0105/Nortel-One	22/3/2005	Thiết bị truyền dẫn quang	444.782,05
3.	02-05/ Nortel – One	9/12/2005	Thiết bị truyền dẫn quang	423.552,36
4.	006.1-06/Nortel-One	14/4/2006	Thiết bị truyền dẫn quang	130.024,86
5.	02-2006/One-ZTT	10/7/2006	Cáp quang và phụ kiện	474.219,60
6.	012-06/Nortel-One	8/8/2006	Thiết bị truyền dẫn	107.157,45
7.	06-2006/One-ZTT	8/11/2006	Cáp quang và phụ kiện	103.054,15
8.	02-2007/One-ZTT	22/1/2007	Cáp quang và phụ kiện	1.527.893,34
9.	027-06/One-Nortel	22/1/2007	Thiết bị mạng	153.756,32
10.	03-2007/One- ZTT	25/1/2007	Cáp quang và phụ kiện	1.052.975,85
11.	003-07/One-Nortel	22/3/2007	Thiết bị mạng máy tính	104.493,86
12.	028.2-06/One-Nortel	22/3/2007	Thiết bị mạng	130.600,96
13.	010-07/One-Nortel	25/5/2007	Tổng đài	145.303,20
14.	033-2007/ One- Nortel	08/10/2007	Tổng đài	104.345,43
15.	số 031-07/One-Nortel	30/10/2007	Tổng đài	498.835,4
16.	036-07/ ONE- Nortel	28/12/2007	Thiết bị mạng vi tính	101.737,39

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

## 6.5 Chi phí sản xuất

**Bảng 8:** Cơ cấu chi phí trong 2 năm từ 2006 – 2007

Đơn vị: Triệu đồng

Chi phí	2006		2007	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Giá vốn hàng bán	81.104	85,18	114.080	87,45
Chi phí bán hàng	6.718	7,05	6.215	4,76
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.879	7,22	9.379	7,19
Chi phí khác	504	0,55	765	0,60
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.205</b>	<b>100</b>	<b>130.439</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1 năm 2006- 2007)

Trong các năm qua, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí của Công ty, bình quân khoảng 86% chi phí sản xuất. Năm 2007, quy mô hoạt động của Công ty mở rộng kinh doanh sang mảng thiết bị viễn thông, giải pháp công nghệ thông tin và truyền thông làm giá vốn năm 2007 tăng lên đáng kể khoảng 40% so với năm 2006, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng khoảng 36%, bình quân trong năm 2006-2007 khoảng 7,2%.

## 6.6 Hoạt động marketing và nghiên cứu thị trường

Hoạt động marketing của Công ty được tập trung vào hai nhóm khách hàng mục tiêu trong ngắn hạn và dài hạn.

Trong ngắn hạn, Công ty tiếp tục khai thác thị trường truyền thống là Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Công ty thành viên; hệ thống bưu điện tỉnh thành phố, các Bộ, Ngành và các doanh nghiệp có hệ thống chi nhánh trên phạm vi rộng.

Trong dài hạn, Công ty ưu tiên đến các đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, hệ thống các ngân hàng, công ty chứng khoán, tài chính, bảo hiểm, kiểm toán...

Để đẩy mạnh quảng bá thương hiệu và khai thác thị trường mới, Công ty đặc biệt chú trọng công tác marketing như giới thiệu các sản phẩm dịch vụ, công nghệ mới trên chương trình công nghệ của đài truyền hình Việt Nam (VTV2); tập trung quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành như tạp chí ngân hàng, điện lực, chứng khoán...; mặt khác tổ chức các buổi hội thảo, hội chợ chuyên ngành để giới thiệu, gặp gỡ trực tiếp từng đối tượng khách hàng, vừa đem đến các dịch vụ sẵn có vừa khai thác vừa tư vấn hình thành nhu cầu cho khách

hàng hoặc bằng cách sử dụng chính những khách hàng đã được công ty lắp đặt triển khai thành công các ứng dụng để quảng bá cho các đối tượng khác trong cùng ngành; tiến hành nghiên cứu thị trường định kỳ 6 tháng/lần để nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường.

### 6.7 Trình độ công nghệ

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, tin học, Công ty hết sức chú trọng trong việc ứng dụng, nâng cao và chủ động nghiên cứu công nghệ tiên tiến trên thế giới. Do vậy, Công ty tập trung phát triển đội ngũ chuyên gia cao cấp trong việc tư vấn, thiết kế và chuyển giao công nghệ viễn thông tin học tiên tiến nhất phù hợp với từng đối tượng khách hàng tại Việt Nam. Hàng năm, Công ty đều cử cán bộ sang đào tạo tại nước ngoài và xây dựng chiến lược hợp tác toàn diện với một số nhà cung cấp thiết bị viễn thông hàng đầu trên thế giới có khả năng làm chủ các công nghệ hiện đại.

### 6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Ngày 26 tháng 2 năm 2008, Công ty đã đăng ký với Cục sở hữu trí tuệ slogan “Connect with ease – Kết nối dễ dàng” và đăng ký logo ngày 27 tháng 2 năm 2008 như sau:



Công ty cũng đã tiến hành thiết kế, xây dựng website thông tin về công ty và đăng ký tên miền trên mạng Internet là <http://www.one.com.vn>.

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

### 7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

**Bảng 9:** Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2006-2007

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2006		2007	
	Giá trị	%tăng (giảm) so với năm 2005	Giá trị	%tăng (giảm) so với năm 2006
Tổng giá trị tài sản	33.827	-34,3	66.749	97,3
Doanh thu thuần	95.031	-4,0	142.485	49,9

Chỉ tiêu	Năm 2006		2007	
	Giá trị	%tăng (giảm) so với năm 2005	Giá trị	%tăng (giảm) so với năm 2006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-2.235	-	10.690	-
Lợi nhuận khác	-308	-	-760	-
Lợi nhuận trước thuế	-2.543	-	9.929	-
Thuế thu nhập hiện hành	304	30,4	2.249	639,8
Thuế thu nhập hoãn lại	-768	-	760	-
Lợi nhuận sau thuế	-2.079	-	6.920	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	20	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	83	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1 năm 2006- 2007)

## Ghi chú:

### 1. Thuyết minh một số chỉ tiêu tài chính năm 2006

#### Lợi nhuận:

Năm 2006, Công ty lỗ 2,079 tỷ đồng chủ yếu là do các nguyên nhân sau:

- 3 hợp đồng: Bưu điện tỉnh Đồng Nai, Hợp đồng Vạn Thịnh Phát, Hợp đồng DTS đã hoàn thành việc giao hàng và xuất hóa đơn trong năm 2006 nhưng tiến hành nghiệm thu và thanh lý vào năm 2007 nên đơn vị kiểm toán không ghi nhận lợi nhuận của 3 hợp đồng này vào năm 2006 mà ghi nhận vào năm 2007.
- Giá vốn modem card bảo hành VDC: Xác định lại giá xuất kho modem card làm chi phí năm 2006 tăng lên 420 triệu đồng.
- Giảm thời gian phân bổ lại chi phí bảo hành VDC và các chi phí khác theo đúng quy định làm chi phí năm 2006 tăng 595 triệu đồng.
- Chi phí khác phát sinh do chậm tiến độ hợp đồng...

*Chi phí thuế thu nhập hoãn lại:*

Năm 2006, khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ của Công ty là 2.743.083.353 đồng, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được tính trên khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ trên, cụ thể:

*Đơn vị tính: Đồng*

Doanh thu hợp đồng Bru điện tỉnh Đồng Nai	4.397.872.875
Giá vốn hợp đồng Bru điện tỉnh Đồng Nai	(3.004.608.984)
Doanh thu hợp đồng Vạn Thịnh Phát	1.332.565.000
Giá vốn hợp đồng Vạn Thịnh Phát	(1.018.853.162)
Doanh thu hợp đồng DTS	100.292.399
Giá vốn hợp đồng DTS	(80.092.410)
Giá vốn modem card bảo hành VDC	420.180.098
Phân bổ chi phí bảo hành VDC và các chi phí khác	595.727.537
<b>Cộng</b>	<b>2.743.083.353</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28%</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>768.063.339</b>

Tổng thu nhập chịu thuế để tính thuế thu nhập hiện hành đã bao gồm khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ 2.743.083.353 đồng (chi tiết trong cách tính thuế thu nhập hiện hành dưới đây). Do vậy, chi phí thuế thu nhập hoãn lại năm 2006 là (768.063.339) đồng.

*Thuế thu nhập hiện hành:*

Thuế thu nhập hiện hành (thuế suất 28%) được tính trên Tổng thu nhập chịu thuế bao gồm tổng lợi nhuận trước thuế và các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

*Đơn vị tính: Đồng*

<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(2.543.240.980)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>3.627.677.655</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>884.594.302</i>
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>2.743.083.353</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.084.436.675</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>303.642.269</b>



**2. Thuyết minh một số chỉ tiêu năm 2007***Lợi nhuận:*

Năm 2007 lợi nhuận trước thuế của Công ty là 9.929 triệu đồng, lợi nhuận sau thuế là 6.920 triệu đồng bao gồm lợi nhuận của 3 hợp đồng Vạn Thịnh Phát, Bưu điện tỉnh Đồng Nai, DTS và 02 khoản chi phí được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp (như giải thích ở trên).

*Chi phí thuế thu nhập hoãn lại:*

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại năm 2007 là 760.401.918 là do bù trừ khoản hoàn nhập chi phí thuế thu nhập hoãn lại năm 2006 là 768.063.339 đồng và khoản phát sinh chi phí thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2007 là 7.661.421 đồng.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp:*

	<i>Đơn vị tính: Đồng</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.929.721.830</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>850.944.440</b>
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>817.803.378</i>
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ</i>	<i>33.141.062</i>
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(2.748.862.198)</b>
<i>Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời khấu trừ</i>	<i>(2.743.083.353)</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>(5.778.845)</i>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.031.804.072</b>
<b>Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>28%</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.248.905.140</b>

**3. Phân phối lợi nhuận**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 số 01/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/1/2008, lợi nhuận chưa phân phối năm 2007 là 4,844 tỷ đồng được phân phối như sau:

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 400 triệu đồng
- Trích quỹ dự trữ vốn điều lệ: 200 triệu đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển: 244 triệu đồng
- Chia cổ tức cho cổ đông: 4 tỷ đồng (83% lợi nhuận chưa phân phối), tương đương tỷ lệ cổ tức là 20%, trong đó 5% (1 tỷ đồng) bằng tiền mặt, 15% (3 tỷ đồng) bằng cổ phiếu. Thời gian dự kiến chi trả cổ tức sau khi Công ty hoàn tất thủ tục niêm yết cổ phiếu và chính thức giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán.

**Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết****Bảng 10:** Một số hợp đồng lớn ký kết, thực hiện trong năm 2007

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT) (VND)	Ghi chú
1	Công ty Điện thoại - Bưu điện Hải Phòng	4200612053	08/01/2007	Máy móc, phương tiện vận chuyển, thiết bị, phụ tùng thay thế, tài liệu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật kèm theo	3.834.205.605	Đã hoàn thành
2	Công ty Điện lực 3	0701V003/PC3-ONE.JSC	23/01/2007	Cáp quang và phụ kiện	9.784.343.360	Đã hoàn thành
3	Công ty Điện lực 3	0701V002/PC3-ONE.JSC	23/01/2007	Cáp quang và phụ kiện	15.468.726.720	Đã hoàn thành
4	Công ty Điện lực 3	0701V001/PC3-ONE.JSC	23/01/2007	Cáp quang và phụ kiện	9.126.106.560	Đã hoàn thành
5	Công ty Điện lực 2	01-07/PC2-ONE/CQGD4	24/01/2007	Cáp quang và phụ kiện	22.313.210.154	Đã hoàn thành
6	Bưu điện tỉnh Đồng Nai	11/HDKT	21/3/2007	Hệ thống contact Centre	2.995.872.000	Đã hoàn thành
7	Công ty điện toán và truyền số liệu	070327-02	27/3/2007	Thiết bị passPort 74xx	4.431.634.358	Đã hoàn thành
8	Ngân hàng Công thương Việt Nam	06/07/HĐIT-ICBV	27/03/2007	Thiết bị tin học	4.832.000.000	Đã hoàn thành
9	Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ điện tử viễn thông ELCOM	4200610041	16/4/2007	Hệ thống contact Centre	493.908.000	Đã hoàn thành
10	Ngân hàng HSBC Chi nhánh TPHCM	4200705017	31/05/2007	Thiết bị tin học và dịch vụ lắp đặt, đào tạo và bảo hành	3.808.831.200	Đã hoàn thành
11	Tổng cục kỹ thuật – Bộ Công An	200705-001/One- E15	20/6/2007	Hệ thống mạng Lan	3.164.882.808	Đã hoàn thành
12	Công ty điện lực 3	0706V035	25/6/2007	Cáp quang và phụ kiện	12.623.802.808	Đã hoàn thành
13	Công ty điện lực 3	0706V036	25/6/2007	Cáp quang và phụ kiện	15.945.962.134	Đã hoàn thành
14	Công ty thông tin di động VMS	2007	20/7/2007	Hệ thống contact Centre	5.157.034.000	Gói đầu sang năm 2008
15	Tổng cục kỹ thuật – Bộ Công An	200709-002/One – E13	25/9/2007	Tổng đài và các thiết bị đồng bộ	4.526.224.066	Đã hoàn thành
16	Công ty CP dịch vụ thương mại Trường Minh	4200609035	29/9/2007	Hệ thống contact Centre	13.841.143.788	Gói đầu sang năm 2008

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT) (VND)	Ghi chú
17	Ngân hàng Hồng Kông & Thượng Hải, CN Hà Nội	4200709039	26/10/2007	Hệ thống contact Centre	2.356.230.556	Đã hoàn thành
18	Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	10428/ĐLHCM-CTTMCNTH1	17/12/2007	Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống phát thanh công cộng, camera	6.597.762.000	Gói đầu sang năm 2008
	<b>Tổng cộng</b>				<b>141.301.880.117</b>	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

## 7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

### Thuận lợi:

- Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng mạnh, là điều kiện vĩ mô thuận lợi cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.
- Việc Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO tạo ra nhiều thuận lợi cho Công ty trong việc tiếp cận nghiên cứu, học hỏi và ứng dụng các công nghệ hiện đại, mở ra nhiều cơ hội kinh doanh mới cho Công ty trong tương lai.
- Công ty đã tạo được uy tín và mối quan hệ tốt với khách hàng truyền thống là các Bộ, Ngành, Tổ chức, Công ty lớn. Công ty được Bộ Công an chọn làm đối tác hợp tác tham gia xây dựng dự án viễn thông của ngành, dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong năm 2009.
- Công ty có mối quan hệ chặt chẽ và lâu dài với các nhà cung cấp thiết bị và giải pháp tin học, viễn thông nổi tiếng trên thế giới.
- Là đơn vị có kinh nghiệm và hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực tin học viễn thông, Công ty ý thức được tầm quan trọng của công nghệ thông tin và xu hướng phát triển mạnh mẽ của thị trường này đối với chiến lược phát triển của mình. Do vậy, Công ty luôn luôn chủ động nghiên cứu các ứng dụng công nghệ mới trên thế giới để vận dụng và triển khai ở Việt Nam đáp ứng nhu cầu và hình thành nhu cầu cho khách hàng.

- Các sản phẩm và giải pháp mới được Công ty nghiên cứu từ năm 2005, 2006 đã được ứng dụng thành công trong năm 2007 và sẽ được triển khai sâu rộng trong các năm tới.
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết gắn bó, đội ngũ kỹ sư có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm, được tham dự các khóa đào tạo chuyên sâu và nâng cao về kỹ thuật, công nghệ do các nhà sản xuất hàng đầu tổ chức và được cấp chứng chỉ có giá trị trên toàn thế giới.
- Năm 2007 là năm Công ty có sự đổi mới mạnh mẽ về công tác tổ chức và quản trị nhằm thích ứng tốt hơn với tình hình mới, sẵn sàng với những cơ hội và thách thức trong thời kỳ hội nhập.

**Khó khăn:**

- Trong điều kiện hội nhập khi Việt Nam gia nhập WTO vừa tạo ra cơ hội mới vừa đem lại những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông, các hãng công nghệ lớn sẽ cạnh tranh mạnh mẽ tại thị trường Việt Nam. Đây là sự cạnh tranh trực tiếp với các đối tác của Công ty cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty khi họ thành lập những đơn vị kinh doanh mới.
- Quy định của pháp luật còn nhiều bất cập, cần phải xây dựng và hoàn thiện các khuôn khổ pháp lý, quy định chuyên ngành, chính sách cụ thể phù hợp với điều kiện hội nhập.
- Cơ sở hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin của Việt Nam chưa được đầu tư đồng bộ, công nghệ cũ và lạc hậu; trình độ dân trí về công nghệ thông tin chưa cao.
- Tình trạng hàng giả, hàng nhái vẫn còn tiếp diễn.
- Nguồn nhân lực còn thiếu và yếu, đây không những là khó khăn riêng của Công ty mà là khó khăn chung của toàn ngành công nghệ thông tin và truyền thông do chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà sử dụng.

**8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

Với hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tin học, hiện nay, Công ty là một trong số ít các đơn vị có thể cung cấp cho khách hàng giải pháp tổng thể về viễn thông và công nghệ thông tin từ cơ sở hạ tầng (các hệ thống cáp quang viễn thông, hệ thống truyền dẫn quang, hệ thống mạng đa dịch vụ, hệ thống thiết bị truy nhập, hệ thống tổng đài, hệ thống mạng máy tính...) đến các ứng dụng về viễn thông và công nghệ thông tin (hệ thống

Contact Center, các giải pháp về tính cước, các giải pháp về an ninh an toàn, các giải pháp phần mềm ứng dụng...).

Thế mạnh và vị thế của Công ty được khách hàng đánh giá dựa trên các yếu tố sau:

**Về nguồn nhân lực:** Với đội ngũ kỹ sư có trình độ và kinh nghiệm lâu năm, Công ty có chủ trương phát triển chuyên sâu về kỹ thuật để có thể làm chủ hoàn toàn các giải pháp cung cấp cho khách hàng từ khâu tư vấn, thiết kế đến việc triển khai, đào tạo chuyên gia công nghệ và bảo hành bảo trì hệ thống.

**Về đối tác:** Công ty đã duy trì được mối quan hệ lâu dài và chặt chẽ với các hãng nổi tiếng trên thế giới như Alcatel, Nortel, Keymile, ZTT... cung cấp các sản phẩm và giải pháp có mặt sớm trong thị trường Việt Nam với giá cả cạnh tranh. Hiện nay, Công ty đang là “Premium Partner” duy nhất của Alcatel và là “Silver partner” duy nhất của Nortel tại Việt Nam. Thương hiệu và uy tín của Công ty được gắn liền với tên tuổi của các hãng trên, do vậy, trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục duy mối quan hệ và nâng cao doanh số thực hiện với các hãng.

**Về khách hàng:** Các giải pháp, thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông được phục vụ cho 2 mảng thị trường là Enterprise (các doanh nghiệp) và Carrier (các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông như tổng đài lớn, truyền dẫn quang, Metro Ethenet Network...).

Thị trường chính của Công ty thuộc về mảng Enterprise chuyên cung cấp cho các doanh nghiệp, tổ chức lớn như các Bộ, Ngành, các tập đoàn, tổng công ty, các doanh nghiệp trong ngành điện lực, truyền thông, tài chính, ngân hàng...

Công ty đã tạo dựng được uy tín với khách hàng bằng chất lượng dịch vụ, tiến độ thực hiện và tính ưu việt khi sử dụng sản phẩm và giải pháp do Công ty cung cấp.

**Về sản phẩm và giải pháp:** Công ty có thế mạnh về xây dựng giải pháp phục vụ nhu cầu và tư vấn hình thành cầu cho khách hàng bằng việc chủ động nghiên cứu các công nghệ tiên tiến trên thế giới, tìm hiểu xu thế phát triển tại Việt Nam. Công ty chiếm ưu thế về sản phẩm và giải pháp cáp quang treo viễn thông trong thị trường điện lực với việc thực hiện nhiều dự án viễn thông lớn cho các Công ty Điện lực 2 và Điện lực 3 thuộc tập đoàn Điện lực Việt Nam. Bên cạnh những sản phẩm và giải pháp truyền thông là máy tính, thiết bị ngoại vi..., Công ty còn có uy tín trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ contact center cho

các khách hàng lớn và tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ này trong ngành tài chính, ngân hàng, điện lực...

Các đối thủ cạnh tranh chính của Công ty về viễn thông là 3D Networks, Trends & Technologies, Elcom, NTC, Folec, Visco...; các đối thủ cạnh tranh chính về công nghệ thông tin (các giải pháp mạng) là Datacraft, DTS, ISP, FPT...

### **Về một số dự án tiêu biểu:**

#### ***Một số dự án viễn thông:***

*Dự án Contact Center/Call Center và Tổng đài PABX:*

#### Hệ thống Contact Center cho các Đài 145 của Công ty Thông tin Di động (VMS):

- Qui mô: Cung cấp thiết bị và phần mềm hệ thống Contact Center và phát triển ứng dụng cho Dự án "Trang bị hệ thống ACD/IVR-2 cho đài Trung tâm 145 khu vực I, II, III" cho Công ty VMS với số dịch vụ: 18001090. Hệ thống này phục vụ công tác chăm sóc khách hàng của mạng MobiFone trên toàn quốc. Thời gian triển khai năm 2005 và hoàn thành năm 2006.
- Trị giá dự án: 15.6 tỷ VNĐ (VMS1: 2,8 tỷ, VMS2: 4,9 tỷ, VMS3: 2,7 tỷ, VMS4: 5,2 tỷ)
- Các điểm triển khai chính: Hà nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng
- Thiết bị lắp đặt: Tổng đài Option 61C, CS 1000M và IVR MPS-500 của Nortel, Phần mềm Contact Center Symposium của Nortel và phần mềm của ONE JSC phát triển

#### Hệ thống tổng đài trên quy mô toàn quốc của Bộ Công an - Cục Thông tin liên lạc (E13)

- Qui mô: Cung cấp và lắp đặt các hệ thống tổng đài PABX cho Công an các tỉnh trên quy mô toàn quốc.
- Trị giá dự án: 1,5 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2001-2002), 3 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2002-2003), 5 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2004-2005).
- Các điểm triển khai chính: Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Bình Định...
- Thiết bị lắp đặt: Tổng đài OmniPCX Enterprise của Alcatel

*Dự án truyền dẫn quang (Optical Transmission) và mạng MAN:*

#### Công ty viễn thông liên tỉnh (VTN): Hệ thống thiết bị truyền dẫn quang

- Qui mô: Cung cấp thiết bị đầu cuối cáp quang (SDH) phục vụ việc sửa chữa, thay thế mạng truyền dẫn quang của Công ty Viễn thông Liên tỉnh trên quy mô toàn quốc.

- Trị giá dự án: 476.000 USD (2001); 825.000 USD (giai đoạn 2002), 890.000 USD (2003); 2.032.000 USD (2004-2005), 750.000 USD (giai đoạn đầu 2006).
- Các điểm triển khai chính: Hà nội, Tp Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và các tỉnh thành toàn quốc.
- Thiết bị lắp đặt: TN-16X, TN-1X, TN-1C của Nortel

#### Bộ Công an - Cục Thông tin liên lạc: Hệ thống truyền dẫn quang quy mô toàn quốc

- Qui mô: Cung cấp thiết bị truyền dẫn quang (SDH), phần mềm quản lý mạng (SDH) và dịch vụ mở rộng hệ thống mạng viễn thông của Bộ Công an trên quy mô toàn quốc.
- Trị giá dự án: 4,8 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2000-2001), 6,2 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2001-2002), 11,5 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2002-2003), 15,0 tỷ VNĐ (Giai đoạn 2004-2005-2006).
- Các điểm triển khai chính: Hà nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và 61 Tỉnh Thành khác trên phạm vi toàn quốc
- Thiết bị lắp đặt: SDH: TN-1P, TN-1X, TN-16X của Nortel

#### Tổng Công ty Điện lực Việt nam - Công ty Điện lực 3 (PC3): Hệ thống thiết bị truyền dẫn cáp quang

- Qui mô: Cung cấp và lắp đặt vật tư thiết bị truyền dẫn quang và phụ kiện cho dự án Thông tin viễn thông Điện lực khu vực nông thôn Miền Trung.
- Trị giá dự án: 21,2 tỷ năm 2005; 14,2 tỷ năm 2006
- Các điểm triển khai chính: Đà Nẵng và 9 Tỉnh Miền Trung.
- Thiết bị lắp đặt: SDH: TN-1X của Nortel; Mux: UMUX 1500 của Keymile
- Thời gian triển khai: Năm 2005-2006

#### *Dự án về cáp quang viễn thông (Optical Cable):*

#### Tổng Công ty Điện lực Việt nam - Công ty Điện lực 3 (PC3): Cáp quang và phụ kiện

- Qui mô: Cung cấp cáp quang, phụ kiện và dịch vụ kỹ thuật hàn nối, đo kiểm cho Công ty Điện lực 3 - Dự án "Viễn thông Nông thôn giai đoạn 2006".
- Trị giá gói thầu: 10,3 tỷ VNĐ (năm 2006), 4 triệu USD (đầu năm 2007)
- Các điểm triển khai chính: Đà Nẵng và 9 Tỉnh miền Trung
- Thiết bị cung cấp: Cáp quang ADSS, F8 và phụ kiện của hãng ZTT

#### Tổng Công ty Điện lực Việt nam - Công ty Điện lực 2 (PC2): Cáp quang, máy hàn sợi quang và phụ kiện

- Qui mô: Cung cấp cáp quang và phụ kiện, tổ chức thi công hàn nối cáp, đo kiểm tra; Cung cấp máy hàn sợi quang và tổ chức đào tạo hướng dẫn sử dụng vận hành cho

các cán bộ kỹ thuật của Công ty Điện lực 2 - Dự án "Hệ thống viễn thông phục vụ quản lý điều hành điện nông thôn các tỉnh miền Nam".

- Trị giá gói thầu: Cáp quang: 9 tỷ VNĐ (năm 2005); 23,3 tỷ (năm 2006-2007), Máy hàn sợi quang: 500 triệu (năm 2005)
- Các điểm triển khai chính: TP. Hồ Chí Minh và 10 Tỉnh miền Nam
- Thiết bị cung cấp: Cáp quang ADSS và F8 và phụ kiện của hãng ZTT, Máy hàn sợi quang của Sumitomo

#### Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC): Dự án mạng Frame Relay/ X.25

- Qui mô: Cung cấp thiết bị và phần mềm của Nortel xây dựng hệ thống mạng Frame Relay/ X.25 của VDC.
- Trị giá dự án: 15 tỷ VNĐ (dự án chính năm 2003), 4.5 tỷ VNĐ (mở rộng năm 2004), 4.8 tỷ VNĐ (mở rộng năm 2005), 6.5 tỷ VNĐ (mở rộng năm 2006/2007)
- Các điểm triển khai chính: Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hà Tây, Nghệ An, Khánh Hòa, Huế, Bình Dương, Cần Thơ, Đồng Nai, Đắc Lắc, Lâm Đồng, Vũng Tàu, Tây Ninh, Đồng Tháp, An Giang, Trà Vinh và Tiền Giang.
- Thiết bị lắp đặt: MultiService Switch Passport 7480, 7440 và 6440 của Nortel
- Thời gian triển khai: Tháng 3-2003 đến tháng 9-2003 (dự án chính), Tháng 2-2004, 6-2005, 12-2006 và 4-2007 (dự án mở rộng)

#### Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC): Dự án mở rộng POP VNN4 - Gói 4: Thiết bị Access Server cấp II

- Qui mô: Cung cấp thiết bị và dịch vụ triển khai hệ thống thiết bị Access Server cấp II của Aastra cho dự án "Mở rộng POP VNN4". Hệ thống bao gồm 21 bộ thiết bị CVX 600 phân bố tại 21 Tỉnh Thành trên phạm vi toàn quốc.
- Trị giá dự án: 15 tỷ VNĐ (Dự án chính năm 2003), 4 tỷ VNĐ (Mở rộng năm 2004), 6.5 tỷ VNĐ (Mở rộng năm 2005).
- Các điểm triển khai chính: VDC1 (Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Hòa Bình, Hà Tây, Vĩnh phúc); VDC2 (Lâm Đồng, Đồng Nai, Vũng Tàu, Bình Dương, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang); VDC3 (Huế, Bình Định, Khánh Hòa)
- Thiết bị lắp đặt: CVX 600 của Aastra
- Thời gian triển khai: Tháng 6-2003 đến tháng 8-2003 (dự án chính), Tháng 4-2004, tháng 3 năm 2005 (dự án mở rộng)



***Một số dự án tin học tiêu biểu***Tổng Công ty Điện lực Việt nam và các Công ty điện lực 1, 3

- Qui mô: Xây dựng hệ thống mạng cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam và cung cấp thiết bị và dịch vụ kỹ thuật cho các Chi nhánh của Công ty Điện lực 1 và 3 để xây dựng các mạng LAN kết nối vào hệ thống mạng diện rộng của Công ty Điện lực 1, 3. Cung cấp thiết bị xây dựng hệ thống mạng diện rộng WAN của Công ty Điện lực 3 giai đoạn 1.
- Trị giá các dự án: 50.000 USD (Tổng Công ty - Năm 2000), 220.000 USD (Công ty Điện lực 1 - Năm 2001), 150.000 USD (Công ty Điện lực 3 - Năm 2003), 150.000 USD (Công ty Điện lực 3 - Năm 2004), 650.000 USD (Công ty Điện lực 3 - Năm 2005), 500.000 USD (Công ty Điện lực 3 - Năm 2006), 800.000 USD (Công ty Điện lực 3 – Đầu năm 2007).
- Các điểm triển khai chính: HN, Tp HCM, ĐN và các Tỉnh Thành trên toàn quốc
- Thiết bị lắp đặt: Server và trạm làm việc: IBM, HP, Thiết bị mạng: Nortel, Hệ thống cáp quang và cáp xoắn: AMP

Ngân hàng Công thương Việt Nam và 145 Chi nhánh trên phạm vi toàn quốc

- Qui mô: Cung cấp thiết bị mạng Nortel, cáp và phụ kiện AMP cho hệ thống mạng của Trụ sở chính và 130 Chi nhánh trên phạm vi toàn quốc phục vụ công tác quản lý, kinh doanh của ngân hàng Công thương năm 1996-2005.
- Trị giá dự án: 400.000 USD (năm 1996-1999), 180.000 USD ( 2000), 252.000 USD (năm 2001), 350.000 USD (năm 2002), 630.000 USD (năm 2003); 510.000 USD (năm 2004), 700.000 USD (2005- 2006), 400.000 USD (đầu năm 2007).
- Thiết bị lắp đặt: Thiết bị mạng: Passport, Routing Switch, Switch của Nortel, Hệ thống cáp và phụ kiện: AMP

Trường Đại học Bách khoa Hà nội: Thư viện điện tử và một số dự án khác

- Qui mô: Hệ thống mạng CAMPUS trên qui mô toàn trường nối đến tất cả các khoa, Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc phục vụ khai thác Thư viện điện tử và công tác quản lý. Backbone cáp quang Single Mode tốc độ cao kết nối các ATM và các Fast Ethernet Switch toàn trường. Dự án mạng thông tin tốc độ cao (Data, Video, Voice) cho toà nhà Thư viện Điện tử, Dự án Trung tâm Tính toán hiệu năng cao, Dự án Phòng học Ngoại ngữ Đa phương tiện ...
- Trị giá dự án: 150.000 USD (năm 2000); 500.000 USD (2001-2002), 600.000 USD (năm 2003-2004), 150.000 USD (2004), 500.000 USD (năm 2005), 600.000 USD (năm 2006).
- Thiết bị lắp đặt: Thiết bị Core Switch, Router, Firewall, IDS, WLAN Nortel, Hệ thống máy tính: SUN, HP, IBM, Hệ thống cáp quang và cáp xoắn có cấu trúc: AMP

## 8.1 Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao trong khu vực Asean và châu Á Thái Bình Dương. Trong các năm tới thị trường này vẫn tiếp tục tăng trưởng mạnh cả về chiều rộng (số lượng người sử dụng các dịch vụ về viễn thông và công nghệ thông tin) và chiều sâu (đa dạng hóa các dịch vụ gia tăng); công nghệ mạng hội tụ đa dịch vụ trên nền IP sẽ thay thế các công nghệ truyền thống, dịch vụ về di động chiếm ưu thế so với cố định. Với tiềm năng phát triển của toàn ngành mở ra triển vọng phát triển các lĩnh vực kinh doanh của Công ty, cụ thể:

### ***Hệ thống cáp quang viễn thông:***

Hiện nay Công ty đang chiếm ưu thế về sản phẩm cáp quang treo viễn thông trong thị trường điện lực. Chủ trương của Tập đoàn Điện lực Việt Nam là sẽ mở rộng kinh doanh viễn thông đến tất cả các vùng miền trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin đến tất cả các khách hàng sử dụng điện. Trong tương lai gần, EVN chưa có chủ trương sản xuất cáp quang nên thị trường cung cấp các giải pháp cáp quang và các hệ thống truyền dẫn quang, hệ thống mạng quang nội hạt, hệ thống truy cập đa dịch vụ sẽ tiếp tục được duy trì. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh thu các sản phẩm và giải pháp ở mảng này sẽ giảm tương đối do việc cung cấp cáp quang và phụ kiện cho dự án viễn thông nông thôn của Công ty Điện lực 3 chỉ còn triển khai giai đoạn 6 (2008-2009) là giai đoạn cuối cùng.

### ***Các hệ thống mạng đa dịch vụ định hướng theo công nghệ NGN:***

Công nghệ NGN theo xu hướng chung đang thay thế dần các công nghệ truyền thống TDM, các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin ngày càng có xu hướng hợp nhất. Nắm bắt được xu hướng đó, Công ty đã và đang đẩy mạnh phát triển các giải pháp trên nền NGN và có khả năng tích hợp với các hệ thống hiện tại sử dụng công nghệ truyền thống.

### ***Hệ thống tổng đài nội bộ (PABX) và các ứng dụng trên nền PABX:***

Xu hướng trước đây, các Bộ, Ngành, doanh nghiệp thường sử dụng các dịch vụ thoại đầu cuối do các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông trang bị. Hiện nay xu hướng đó đang dần thay đổi sang các hệ thống tổng đài nội bộ dùng riêng và thiết lập mạng các hệ thống tổng đài kết nối với nhau chia sẻ trên hệ thống đường truyền dùng riêng nhằm mục đích chủ động về dịch vụ và tiết kiệm chi phí. Vì vậy nhu cầu về trang bị các hệ thống tổng đài và mạng tổng đài nội bộ là khá lớn đặc biệt là các Bộ, Ngành và các doanh nghiệp có mạng lưới chi nhánh trên toàn quốc.

### ***Hệ thống Contact Center và dịch vụ liên quan***

Nắm bắt được nhu cầu thị trường về hệ thống Contact Center cho mục đích chăm sóc, giải đáp khách hàng của các doanh nghiệp, ngay từ năm 2004, Công ty đã đầu tư nghiên cứu các ứng dụng về Contact Center và đưa vào triển khai trong các năm 2005-2007. Xuất phát từ

nhu cầu tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, thị trường về Contact Center và các dịch vụ chăm sóc, giải đáp khách hàng đang phát triển mạnh ở Việt Nam, đây cũng là mảng hoạt động chiến lược trong các năm tiếp theo và dự kiến sẽ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

***Các giải pháp mạng và an ninh an toàn mạng thông tin trên mạng:***

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin đã ngày càng đưa nhiều ứng dụng của tin học, công nghệ vào việc kinh doanh, quản lý... đồng thời đặt ra yêu cầu bức thiết cho việc đảm bảo an ninh an toàn về thông tin. Công ty đã có kinh nghiệm trong lĩnh vực mạng máy tính qua việc triển khai nhiều hệ thống mạng trên quy mô toàn quốc của các Bộ, Ngành, Cơ quan như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công an, Bộ Khoa học Công nghệ, Tổng cục Tình báo, Tổng cục An ninh, Ngân hàng Công thương Việt Nam, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội... và trong tương lai vẫn tiếp tục duy trì phát triển các hệ thống mạng máy tính (LAN, MAN, WAN). Đồng thời, Công ty cũng đã triển khai nhiều hệ thống an ninh an toàn mạng cho các khách hàng và nghiên cứu ứng dụng nhằm trang bị cho khách hàng các phương án tổng thể về hệ thống an ninh an toàn mạng, các phương án phòng và chống tấn công trên mạng thông tin.

***Thị trường dịch vụ về viễn thông và công nghệ thông tin:***

Khi các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin đã được trang bị và đi vào hoạt động ổn định, song song với việc tiếp tục bổ sung nâng cấp hệ thống, các khách hàng đặc biệt là các nhà cung cấp dịch vụ, các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm đều có nhu cầu về dịch vụ dịch vụ vận hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho các hệ thống viễn thông và công nghệ thông tin. Thị trường dịch vụ này sẽ ngày càng chiếm ưu thế so với thị trường cung cấp các thiết bị và phần mềm. Để phục vụ tốt cho nhu cầu trên, Công ty đã và đang đầu tư nhân lực cho mảng thị trường dịch vụ ngày.

**8.2 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.**

Sự phát triển của nền kinh tế không thể tách rời các ứng dụng của công nghệ thông tin và truyền thông. Chiến lược phát triển công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam đến năm 2010 và định hướng năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số Quyết định số 246/2005/QĐ đã chỉ rõ công nghệ thông tin và truyền thông phải trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và được ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế. Chiến lược mục tiêu đưa ra đến năm 2010, công nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông có tốc độ tăng trưởng từ 20-25%/năm, đạt tổng doanh thu khoảng 6-7 tỷ USD và đạt khoảng 15 tỷ USD năm 2015. Đến năm 2020, với công nghệ thông tin và truyền thông làm nòng cốt, Việt Nam chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế - xã hội trở thành một nước có trình độ tiên tiến

về phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước<sup>2</sup>. Trên cơ sở chiến lược phát triển của ngành, Công ty xây dựng chiến lược kinh doanh trong các năm tới như sau:

- Chuyên môn hoá ngành nghề trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin
- Đa dạng hoá sản phẩm và dịch vụ với nhiều lựa chọn cho các đối tượng khách hàng khác nhau.
- Duy trì và củng cố vị trí tiên phong trên thị trường đối với một số mảng sản phẩm và giải pháp chiến lược (Tổng đài, Contact Center, các hệ thống mạng Viễn thông và Tin học).
- Nâng tầm chất lượng dịch vụ kỹ thuật, hình thành gói sản phẩm Dịch vụ Cài đặt cấu hình và hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ bảo trì và xử lý sự cố chuyên nghiệp.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Tại thời điểm 25/02/2008, tổng số lao động trong Công ty là 65 người, trong đó:

**Phân theo trình độ học vấn:**

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Lao động có trình độ trên đại học	2	3,0
2	Lao động có trình độ đại học	45	69,2
3	Lao động có trình độ trung cấp	9	13,9
4	Lao động phổ thông	9	13,9
	<b>Tổng cộng</b>	<b>65</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

**Phân theo thời hạn hợp đồng:**

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	6	9,2
2	Hợp đồng có thời hạn 5 năm	11	16,9
3	Hợp đồng có thời hạn 3 năm	40	61,5
4	Hợp đồng thời hạn 2 năm	8	12,4
	<b>Tổng cộng</b>	<b>65</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

<sup>2</sup> Nguồn: [www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=28476](http://www.mof.gov.vn/Default.aspx?tabid=612&ItemID=28476) - 64k

## 9.2 Chính sách đối với người lao động:

### *Chế độ làm việc*

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 giờ. Khi có yêu cầu về tiến độ, Công ty có thể yêu cầu cán bộ nhân viên làm việc thêm giờ và thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động bên cạnh các chế độ mà nhà nước qui định.

Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước. Thời gian nghỉ phép là 12 ngày/năm tính cho nhân viên làm việc chính thức tại công ty từ 12 tháng trở lên. Những nhân viên làm việc chính thức chưa đủ 12 tháng thì ngày phép tính theo tỉ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 5 năm công tác được thêm 1 ngày phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.

Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt

### *Chính sách tuyển dụng, đào tạo*

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút lao động có năng lực vào làm việc để đáp ứng yêu cầu công việc ngày càng cao và mở rộng. Tuy mỗi một vị trí công tác sẽ có tiêu chuẩn tuyển dụng riêng nhưng tiêu chuẩn cơ bản gồm có: có trình độ chuyên môn phù hợp và có ý thức trong công việc.

Đào tạo: Công ty đầu tư mạnh cho công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo đội ngũ kỹ thuật để đáp ứng sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ ngành viễn thông. Hàng năm, kỹ sư của Công ty luôn được tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước như Singapore, Malaysia, Trung Quốc, Australia.

### *Chính sách lương, thưởng, phúc lợi*

Chính sách lương: Công ty gắn chính sách lương với chính sách quản lí lao động nhằm ngày càng hoàn thiện cơ cấu và chất lượng lao động. Cụ thể, công ty trả lương theo hướng khuyến khích những lao động có kết quả lao động tốt, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty; gắn mức độ trách nhiệm của các chức danh trong việc tạo ra hiệu quả kinh doanh với mức lương.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, đồng thời gắn bó với công ty, ngoài các chính sách thưởng do nhà nước qui định, Công ty cũng có các chính sách riêng như ưu tiên cho người lao động mua cổ phiếu của công ty, thưởng theo dự án.

Các phúc lợi khác: Nhân viên công ty được Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng qui định của nhà nước và bảo hiểm tai nạn cá nhân 24/24.

Mức lương trung bình của Công ty năm 2006 đạt 3.600.000 đồng/người/tháng, năm 2007 đạt 3.941.000 đồng/người/tháng.

## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Công ty phải đảm bảo sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ vốn góp. Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT căn cứ trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính và kế hoạch kinh doanh của các năm tới.

Chính sách cổ tức của Công ty đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và khả năng mở rộng sản xuất và tăng trưởng trong tương lai. Tỷ lệ cổ tức năm 2007 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt ngày 31/01/2008 là 20%, trong đó 5% bằng tiền mặt, 15% bằng cổ phiếu. Công ty xây dựng mức cổ tức cho giai đoạn 2008-2010 là 16%.

## 11. Tình hình tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Trích khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao các loại tài sản như sau:

Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Máy móc thiết bị	03 năm
Tài sản cố định vô hình - Phần mềm máy	03 năm

**b. Mức lương bình quân:**

Năm 2006, Công ty duy trì mức thu nhập bình quân của người lao động là 3.600.000 đồng/tháng. Năm 2007, mức thu nhập bình quân đạt 3.941.000 đồng/tháng.

**c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

**d. Các khoản phải nộp theo luật định:**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định.

**e. Trích lập các quỹ theo luật định:**

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ.

Ngày 31/01/2008, ĐHĐCĐ thông qua việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2007 sau khi bù lỗ năm 2006 là 4,844 tỷ đồng như sau:

- Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ: 200 triệu đồng (4,15%)
- Quỹ đầu tư phát triển 244 triệu đồng (5,03 %)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 400 triệu đồng (8,3 %)

**f. Tổng dư nợ vay:**

**Bảng 11:** Vay và nợ ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2006 và 31/12/2007

Đơn vị tính: Đồng

STT	Ngân hàng	31/12/2006	31/12/2007
I	Vay ngắn hạn ngân hàng	9.999.142.342	-
1	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0605HL051 ngày 14/06/2006	9.999.142.342	-
II	Vay ngắn hạn các cá nhân khác	10.754.752.690	48.344.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>20.753.895.032</b>	<b>48.344.000</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1 năm 2006- 2007)

**g. Tình hình công nợ hiện nay:****Bảng 12:** Các khoản phải thu

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007
Phải thu từ khách hàng	11.491.425.082	8.246.931.628
Trả trước cho người bán	2.057.776.635	1.318.719.638
Phải thu khác	924.887.897	684.143.691
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.474.089.614</b>	<b>10.249.704.957</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1 năm 2006- 2007)

**Bảng 13:** Các khoản phải trả

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2006	31/12/2007
1. Phải trả người bán	5.274.490.787	12.643.189.174
2. Người mua trả tiền trước	1.013.273.815	25.269.643.624
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.159.684.970	3.495.055.554
4. Phải trả người lao động	-	369.188.472
4. Chi phí phải trả	386.996.161	71.739.225
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.052.963	7.359.212
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.893.498.633</b>	<b>41.856.175.261</b>

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1 năm 2006- 2007)

**11.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản****Bảng 14:** Các chỉ tiêu tài chính của Công ty trong thời kỳ 2006 - 2007

Chỉ tiêu	2006	2007
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,02 lần	1,34 lần
- Hệ số thanh toán nhanh = (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,60 lần	0,81 lần
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,92 lần	0,71 lần
- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	11,67 lần	2,47 lần
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>		
- Vòng quay hàng tồn kho	4,93 lần	5,95 lần
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,23 lần	2,83 lần



Chỉ tiêu	2006	2007
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	4,9%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-	47,7%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-	13,8%
- Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	-	7,5%

**Ghi chú:**

Các thông số được tính toán dựa trên số liệu bình quân đầu năm và cuối năm.

**12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng****12.1 Thành viên Hội đồng Quản trị**

Hội đồng quản trị bao gồm 7 thành viên:

- Ông Từ Long - Chủ tịch
- Ông Lư Hồng Chiề - Phó Chủ tịch
- Ông Nguyễn Doãn Lê Minh - Ủy viên
- Bà Nguyễn Thị Hợp - Ủy viên
- Ông Nguyễn Hà Thanh - Ủy viên
- Ông Đặng Anh Phương - Ủy viên
- Ông Hoàng Hà - Ủy viên

**1. Ông Từ Long**

- Số chứng minh thư nhân dân: 022156583 - Cấp ngày 02/01/2007 tại Công an Tp Hồ Chí Minh
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1967
- Nơi sinh: Tp Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Hoa
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: Số 285/20, Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, Tp. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 84-4-9761122
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh
- Quá trình công tác:

Từ năm 1989 - 1994	Trưởng phòng Phần mềm Hệ thống, Trưởng phòng Networks Công ty SEATIC
Từ năm 1994 - 2000	Giám đốc Kỹ thuật Công ty TNHH One,; Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và công nghệ tin học số 1
Từ năm 2000 - 2007	Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và công nghệ tin học số 1

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 92.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 4,6%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

## 2. Ông Lư Hồng Chiếu

- Số chứng minh thư nhân dân: 011813263 cấp ngày 05/04/2004 tại Công an Tp Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/12/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ninh
- Địa chỉ thường trú: Số 79/449 Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 84-4-9765086
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính
- Quá trình công tác:

Từ năm 1992-2004	Cán bộ kế toán tại Công ty Trắc địa bản đồ-Bộ Quốc phòng. Từ 1999-2004 đảm nhận chức vụ kế toán trưởng Công ty.
------------------	---

2004-Nay

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị trường học và đồ chơi Cánh Diều, Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Truyền thông số 1

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Truyền thông số 1 kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính và quản trị
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 101.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 5,075%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 3. Ông Nguyễn Doãn Lê Minh

- Số chứng minh thư nhân dân: 011470355 Cấp ngày 13/8 /2002 tại Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10-11-1967
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hoài Đức, Hà tây, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: E1 Phòng 26 Quỳnh mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: (04) 689-0198
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử-Tin học, Kỹ Sư Kinh Tế
- Quá trình công tác:

Từ năm 1994 - 2004

Giám đốc Phát triển Công ty TNHH One, Công ty cổ phần Thương mại và Công nghệ tin học số 1

Từ năm 2004 - Nay

Giám đốc Phát triển tại Công ty Kính Kala

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 107.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 5,375 %

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của người có liên quan:
  - ✓ Vợ Phạm Thanh Huyền, số lượng cổ phần sở hữu: 15.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### 4. Bà Nguyễn Thị Hợp

- Số chứng minh thư nhân dân: 011713180 Cấp ngày 26 /9/2006 tại Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/5/1955
- Nơi sinh: Bang kok, Thái Lan
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Phòng 52, B1, tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 8693715
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 

Từ 1978 - 1983	Trung úy Trung đoàn 205, Bộ Tư lệnh Thông tin
Từ 1983 - 1993	Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Thiết bị điện tử tàu thủy, Bộ Giao thông vận tải
1993 - 2003	Giáo viên, Phó khoa Công nghệ thông tin Trường Trung học Điện tử - Điện lạnh, Hà Nội
2003 - Nay	Cán bộ Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 74.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 3,7%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 5. Ông Nguyễn Hà Thanh

- Số chứng minh nhân dân: 023740856 cấp ngày 19/05/2004 tại Tp HCM
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1959
- Nơi sinh: Thị xã Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 15 đường 3 KP4, P. Thảo Điền, Q2, Tp HCM
- Số điện thoại liên lạc: 08.9205633
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:
 

Từ 1997 - 1999	Giám đốc Công ty TNHH Tin học Năm Sao
Từ 11/1999 - 12/2007	Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại và công nghệ tin học số 1, nay là Công ty cổ phần Truyền thông số 1
Từ 12/2007 - Nay	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Truyền thông số 1 kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 62.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 3,1%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: 0,5%:
  - ✓ Vợ Đỗ Thị Hồng Diệp, số lượng cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
  - ✓ Chị Nguyễn Thị Thu, số lượng cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 6. Ông Đặng Anh Phương

- Số chứng minh thư nhân dân: 011689055 Cấp ngày 25/01/2007 tại Công an Tp Hà Nội

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/8/1974
- Nơi sinh: Vĩnh Phúc
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đồng Tiến, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: P17, B10 Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 84-4-9761122
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học bách khoa
- Quá trình công tác:
 

Từ năm 1996 – 1998	Nhân viên Kinh doanh Công ty TNHH One
Từ năm 1998 – 2001	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH One
Từ năm 2001 - 12/2007	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại và công nghệ tin học số 1
Từ 12/2007 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 206.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 10,325%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: 0,15%
  - ✓ Vợ: Nguyễn Thu Dương, số lượng cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
  - ✓ Bố: Đặng Duy Thủy, số lượng cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
  - ✓ Mẹ: Dương Thị Tò, số lượng cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

## 7. Ông Hoàng Hà

- Số chứng minh thư nhân dân: 011743254 Cấp ngày 27 / 10 /1999 tại Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/03/1969
- Nơi sinh: Hà Nội

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Yên Thành, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số 23, Lê Thánh Tông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 84-4-9761122
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- Quá trình công tác:
 

Từ 1992 - 1996	Phụ trách Kỹ thuật Công ty Tin học DPM
Từ 1996 – 12/2007	Giám đốc Kỹ thuật Công ty TNHH One, Công ty cổ phần Thương mại và công nghệ tin học số 1.
12/2007 - Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật công ty cổ phần truyền thông số 1
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Truyền thông số 1 kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 36.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 1,825%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

## 12.2 Thành viên Ban kiểm soát

Ban kiểm soát bao gồm 3 thành viên:

- Ông Vũ Bình Minh
- Bà Đỗ Liên Hương
- Ông Trần Minh Tân

### 1. Ông Vũ Bình Minh

- Số chứng minh thư nhân dân 011930284 cấp ngày 18 /03 /1996 tại Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/01/1971
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phòng 309, nhà số 2, ngõ 449, đường Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 04 2210304 – 04 2413803
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Tài chính kế toán Hà Nội năm 1992, Thạc sỹ kế toán Trường Đại học Công nghệ Swinburne Australia năm 2007.

- Quá trình công tác:

Từ 9/1992 - 8/1995	Trợ lý kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
Từ 9/1995 - 7/1997	Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
Từ 8/1997 - 7/1999	Phó trưởng phòng nghiệp vụ kiểm toán thuộc Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
Từ 8/1999 - 11/2006	Trưởng phòng nghiệp vụ kiểm toán thuộc Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO)
Từ 12/2006 - 8/2007	Tổng Giám đốc kiểm toán Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (VFA)
Từ 9/2007 - Nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán An Phú

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 15.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,75 %
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### 4. Bà Đỗ Liên Hương

- Số chứng minh thư nhân dân: 011762428 Cấp ngày 1/4/1992 tại Công an Tp Hà Nội
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 16/11/1977
- Nơi sinh: Hà Nội



- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Cụm 3, tổ 1, Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 84-4-9765086
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế phát triển
- Quá trình công tác

Từ năm 2000 - 2004                      Công tác tại Công ty Vinatrans

Từ năm 2004 - Nay                      Công tác tại Công ty cổ phần thương mại và công nghệ tin học số 1, nay là Công ty cổ phần truyền thông số 1

- Chức vụ hiện nay: Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 13.000 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0,65%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

#### 5. Ông Trần Minh Tân

- Số chứng minh thư nhân dân: 011880265 Cấp ngày 29/08/2006 tại Công an Tp Hà Nội
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1974
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Phòng 7 K5 TT Bách Khoa, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 84-4-928 8965
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ luật học, thạc sỹ kinh tế chính trị

- Quá trình công tác:
 

Trước năm 1995	Công tác trong quân đội (F361 - Quân chủng Phòng không)
Từ năm 1995 - 1997	Công tác tại Ban quản lý dự án Khách sạn Grand Hanoi Lakeview
Từ năm 1997 - 2000	Quản lý mảng dịch vụ Công ty liên doanh Trung tâm dịch vụ báo chí Hà Nội - Hanoi PressClub
Từ năm 2000 - 2004	Công tác tại Ban quản lý dự án Tập đoàn Liên Sơn - Ecolaw
Từ năm 2004 - Nay	Công tác tại Tập đoàn Đông Á. VPLS Đông Á & Nhóm Tinh Hoa - Đoàn Luật sư Hà Nội
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 0%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 12.3 Thành viên Ban Tổng Giám đốc

- Ông Đặng Anh Phương (Xem chi tiết Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Hoàng Hà (Xem chi tiết Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Lư Hồng Chiếu (Xem Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Nguyễn Hà Thanh (Xem Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị)
- Ông Lê Việt Thắng
- Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kế toán trưởng

#### 1. Ông Lê Việt Thắng

- Số chứng minh thư nhân dân: 171544527 Cấp ngày 30/03/2006 tại Công an TP Thanh Hóa
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/08/1973
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hoàng Long, Huyện Hoàng Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số 132 tổ 16b Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: (04) 9761122
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xử lý thông tin và truyền thông
- Quá trình công tác:
 

Từ 1996 - 2000	Nhân viên Kỹ thuật, Công ty TNHH One
Từ 2000- 12/2007	Trưởng phòng Tổng đài Công ty cổ phần thương mại và công nghệ tin học số 1.
12/2007 - Nay	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật Công ty cổ phần Truyền thông số 1
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách kỹ thuật
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 26.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 1,325%
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

## 2. Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

- Số chứng minh thư nhân dân: 182424292 cấp ngày 06/01/1999 tại Công an Nghệ An
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/8/1981
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: P303, nhà 14B Khu đô thị mới Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 84-4-9761122
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài Chính Kế Toán
- Quá trình công tác:

Từ 2003-12/2007	Nhân viên phòng kế toán Công ty cổ phần Thương mại và công nghệ tin học số 1
Từ 12/2007 – 15/3/2008	Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Truyền thông số 1
15/3/2008 - Nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Truyền thông số 1

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng công ty cổ phần truyền thông số 1
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 31.500 cổ phần
- Tỷ lệ cổ phần nắm giữ: 1,575%
- Tỷ lệ nắm giữ của những người có liên quan: 0%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

### 13. Tài sản

**Bảng 15:** Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2007

STT	Tài sản	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)	Tỷ lệ còn lại (%)
1	Máy móc, thiết bị	13.490.476	0	0
2	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.235.740.913	407.759.932	33,0
3	Phần mềm kế toán	13.500.000	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.262.731.389</b>	<b>407.759.932</b>	

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

### Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

**Bảng 16:** Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sở hữu
1	Trụ sở chính: Số 135 đường Hoàng Ngân, Phường Trung Hòa, quận	5 tầng và 01 tum. Diện tích	Trụ sở đi thuê, thời hạn 05 năm kể từ 02/2008.

	Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.	mặt bằng 120m <sup>2</sup>	
2	Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh: 129 Đề Thám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.	4 tầng, diện tích mặt bằng 80 m <sup>2</sup>	Trụ sở đi thuê, thời hạn 03 năm kể từ ngày 01/11/2005.

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

#### 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2008 – 2010

##### 14.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

**Bảng 17:** Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong 3 năm tới (2008-2010)

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2008	2009		2010	
	Giá trị	Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2008	Giá trị	% tăng (giảm) so với năm 2009
Vốn điều lệ	23.000	25.000	8,70	35.000	40,00
Tổng Doanh thu thuần	160.000	175.000	9,38	190.000	8,57
Lợi nhuận trước thuế	10.000	13.000	30,00	19.000	46,15
Thuế thu nhập DN	2.800	3.640	30,00	5.320	46,15
Lợi nhuận sau thuế	7.200	9.360	30,00	13.680	45,65
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,50	5,35	0,85	7,20	1,85
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu cuối kỳ (%)	27,21	28,61	1,40	29,21	0,60
ROE (%)	31,30	37,44	6,14	39,09	1,65
Tỷ lệ cổ tức	16	16	0	16	0

(Nguồn: Công ty Cổ phần Truyền thông số 1)

#### Ghi chú:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 số 01/2008/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/1/2008, Công ty sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu 15% (tương đương 3 tỷ đồng) từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2007 (dự kiến sau khi cổ phiếu của Công ty được chính thức

giao dịch trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội). Do vậy, vốn điều lệ năm 2008 sẽ tăng từ 20 tỷ đồng lên 23 tỷ đồng.

**14.2. Các dự án đầu tư sắp triển khai:**

**14.3. Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên**

Kế hoạch kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa trên việc đánh giá năng lực hiện tại, cơ hội và chiến lược kinh doanh của Công ty trong tương lai, cụ thể:

- Là doanh nghiệp chuyên thực hiện các dự án về công nghệ thông tin và truyền thông cho các Bộ ngành, Tổng Công ty lớn; năm 2008, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp từ các năm trước như dự án cấp quang giai đoạn 6 của Công ty Điện lực 3 thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam; dự án nâng cấp mạng truyền dẫn, mạng tin học, hệ thống tổng đài các tỉnh thành của Bộ Công an; dự án cung cấp hệ thống contact center cho tập đoàn bưu chính viễn thông và các đơn vị thành viên...
- Hiện nay xu thế sử dụng hệ thống contact center là công cụ chủ yếu chăm sóc khách hàng của các doanh nghiệp đặc biệt là các tổ chức tài chính, ngân hàng, công ty chứng khoán, bất động sản... Đây là dòng sản phẩm đã được Công ty tiếp cận và cung cấp thí điểm từ năm 2005-2006 và đã được triển khai mạnh mẽ trong năm 2007. Trong năm 2008, Công ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh mảng kinh doanh này và dự kiến sẽ đem lại nguồn thu chính trong cơ cấu doanh thu.
- Công ty sẽ chủ động đẩy mạnh mảng dịch vụ, nâng tỷ trọng doanh thu dịch vụ trong cơ cấu tổng doanh thu, đây là mảng có tỷ suất lợi nhuận cao từ đó sẽ góp phần hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận cả năm.
- Cuối năm 2007, Công ty đã ký kết một số hợp đồng triển khai gói đầu cho năm 2008 với giá trị gần 37 tỷ đồng: như hợp đồng với Công ty Trường Minh trị giá 14 tỷ đồng, hợp đồng với VMS4 trị giá 5 tỷ đồng, hợp đồng với điện lực TP HCM trị giá 6,5 tỷ đồng các các hợp đồng nhỏ lẻ khác...
- Đầu năm 2008, Công ty đã ký kết được một số hợp đồng cung cấp cấp quang và phụ kiện với Điện lực 3, cung cấp linh kiện và thiết bị mạng cho Bộ Công an, thiết bị truyền dẫn tổng đài và linh kiện tổng đài HSBC Sài Gòn, dịch vụ bảo trì cho VMS...tổng giá trị hợp đồng khoảng 17 tỷ đồng.

**Bảng 18:** Chi tiết các hợp đồng đã ký năm 2007 gói đầu sang năm 2008 và một số hợp đồng đã ký kết từ đầu năm 2008 đến nay.

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT) (VND)	Thời gian hoàn thành
<b>Các hợp đồng ký kết năm 2007 gói đầu sang năm 2008</b>						
1	Công ty thông tin di động VMS	2007	20/7/2007	Hệ thống contact Centre	5.157.034.000	5/2008
2	Công ty CP dịch vụ thương mại Trường Minh	4200609035	29/9/2007	Hệ thống contact Centre	13.841.143.788	3/2008
3	Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh	10428/ĐLHCM-CTTMCNTH1	17/12/2007	Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống phát thanh công cộng, camera	6.597.762.000	9/2008
4	Tổng cục kỹ thuật Bộ Công an	200705-001/One-E15/UTNK	20/06/2007	Cung cấp thiết bị & linh kiện mạng	3.202.743.088	5/2008
5	Tổng cục kỹ thuật Bộ Công an	200709-002/One-E13/UTNK	25/09/2007	Hệ thống tổng đài điện thoại	4.540.324.453	5/2008
6	Tổng cục kỹ thuật Bộ Công an	4200709031	25/09/2007	Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống tổng đài	1.101.334.500	5/2008
7	Ngân hàng Hồng Kông & Thượng Hải- CN Hà Nội	4200709039	26/10/2007	Cung cấp thiết bị và lắp đặt hệ thống tổng đài	2.354.767.968	5/2008
	<b>Cộng</b>				<b>36.795.109.797</b>	
<b>Các hợp đồng ký kết từ đầu năm 2008 đến nay</b>						
1	Trung tâm Viễn thông 1- Viễn thông Hải Phòng	2602/2008	26/02/2008	Cung cấp thiết bị mạng	1.209.087.191	4/2008
2	Công ty Cổ phần hệ thống Gen	10/HĐKT-Gensys/2008	18/02/2008	Cung cấp máy tính & linh kiện máy tính	2.168.778.710	5/2008
3	Công ty Truyền tải điện 2	4200712045/PTC2-One.Corp	14/01/2008	Hệ thống truyền dẫn	3.124.222.000	5/2008
4	Công ty Điện toán & truyền số liệu	080121-01/KH-VDC- One/ HĐKT	21/01/2008	Cung cấp thiết bị & linh kiện mạng	2.821.673.447	4/2008
5	Điện lực Gia Lai	4200803008	17/03/2008	Cung cấp hệ thống truyền dẫn	1.025.270.430	4/2008
6	Công ty Điện lực 3	0712V062/PC3-One.Corp	09/01/2008	Cung cấp Cáp quang &	1.673.950.344	4/2008

TT	Tên khách hàng	Số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Chủng loại sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đã bao gồm VAT) (VND)	Thời gian hoàn thành
				phụ kiện		
7	Viễn thông Vĩnh Phúc	4200804011	11/04/2008	Cung cấp & lắp đặt thiết bị chuyển mạch	2.097.240.000	6/2008
8	TT viễn thông và công nghệ thông tin – Công ty Điện lực 3	080103	29/2/2008	Cung cấp lắp đặt hệ thống tổng đài điện thoại	902.959.558	4/2008
9	Tổng cục kỹ thuật – Bộ công an	4200711043	7/1/2008	Hệ thống mạng	1.100.822.800	6/2008
10	Công ty cổ phần dịch vụ thương mại Trường Minh	4200712047	7/1/2008	Cáp quang	984.220.407	2/2008
	<b>Cộng</b>				<b>17.108.224.887</b>	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>53.903.334.684</b>	

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

- Ngoài ra, trong thời gian tới bên cạnh triển khai các hoạt động kinh doanh truyền thông có thể mạnh, Công ty dự kiến đầu tư vào 3 mảng sản phẩm mới:

***Outsource Contact Center (Dịch vụ thuê ngoài trong lĩnh vực chăm sóc khách hàng)***

Thực hiện các dịch vụ trả lời cho khách hàng có nhu cầu hoặc chào bán các gói sản phẩm dịch vụ Tele – marketing cho các doanh nghiệp có nhu cầu quảng bá sản phẩm.

Vốn đầu tư dự kiến: 40.000 USD

Tiến độ: Đã mua thiết bị Demo, sẽ tiến hành thiết lập hệ thống tại văn phòng mới vào và đưa vào khai thác trong quý 2 năm 2008.

***Trang bị thiết bị và nghiên cứu thử nghiệm sản phẩm tổng đài SIP:***

Hệ thống tổng đài SIP sử dụng môi trường kết nối qua đường truyền internet, giúp cho người dùng có thể kết nối mọi lúc, mọi nơi và không hạn chế về vùng địa lý. Chỉ cần người dùng có đường truyền internet với băng thông đủ lớn là có thể tiến hành các cuộc gọi miễn phí. Hệ thống tổng đài này phù hợp với những đối tượng khách hàng là khối doanh nghiệp có nhiều chi nhánh trên toàn quốc.

Mục đích của dự án này là tạo môi trường người dùng cho nội bộ và cộng đồng người dùng tại Việt Nam.

Vốn đầu tư dự kiến: 25.000 USD



Bên cạnh việc nghiên cứu thử nghiệm, Công ty sẽ xin làm thủ tục cấp phép là nhà cung cấp các dịch vụ nội dung (ICP) và đàm phán với một số nhà cung cấp dịch vụ viễn thông (điện thoại cố định) để kết hợp khai thác thị trường viễn thông trong nước và quốc tế với việc sử dụng kho số của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và môi trường cho các cuộc gọi là hệ thống tổng đài SIP. Nếu đưa được ứng dụng này vào triển khai sẽ là bước đi khá quan trọng đánh dấu một xu thế kinh doanh viễn thông mới là kinh doanh dịch vụ viễn thông sử dụng cơ sở hạ tầng viễn thông công cộng (Internet), hạ giá thành cuộc gọi trong nước và quốc tế. Ngoài ra có tác dụng quảng bá hình ảnh công ty đến đông đảo công chúng sử dụng dịch vụ viễn thông tạo điều kiện thuận lợi cho các bước kinh doanh tiếp theo.

Tiến độ: Công ty đang tiến hành nghiên cứu, cài đặt thử nghiệm các phần mềm giả lập tổng đài SIP. Dự kiến đầu quý 3/2008 sẽ ứng dụng đưa vào khai thác, trước hết trong nội bộ Công ty và cộng đồng viễn thông tin học tại Việt Nam.

***Phát triển các websites thương mại điện tử:***

Hiện nay đã có một số trang web bán hàng và đấu giá trực tuyến tuy nhiên cộng đồng người dùng chưa nhiều do phương tiện thanh toán điện tử chưa được phổ biến và độ an toàn chưa cao. Việc cần thiết để có thể tổ chức thành công trang web thương mại điện tử là phải có 1 ngân hàng đứng ra đảm bảo phương thức thanh toán điện tử. Công ty dự kiến Sẽ có phương án cụ thể phối hợp với Techcombank để yêu cầu hỗ trợ về thanh toán. Việc tổ chức thành công trang web này sẽ là kênh thông tin mang tính chất quảng bá rộng rãi thương hiệu của Công ty và là nguồn thu đều đặn khi có cộng đồng người dùng đông đảo và số lượng giao dịch nhiều (tính phần trăm phí trên giao dịch thành công).

Tiến độ: Hiện nay, Công ty đã đăng ký tên miền các websites: [www.onemuaban.com](http://www.onemuaban.com), [www.onemuaban.com.vn](http://www.onemuaban.com.vn), [www.lmuaban.com](http://www.lmuaban.com), [www.lmuaban.com.vn](http://www.lmuaban.com.vn) và đang tiến hành xây dựng đội ngũ phát triển dịch vụ trên các website này. Dự kiến cuối quý 3/2008 sẽ đưa vào khai thác dịch vụ.

**15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, SSI nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty có tính khả thi nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của doanh nghiệp.

Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.**

Không có

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu**

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

Tổng số chứng khoán niêm yết: 2.000.000 cổ phiếu

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức phát hành**

***Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 1.190.000 cổ phiếu***

***Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 766.500*** cổ phiếu (cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo).

***Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty (không bao gồm số lượng cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, BKS, TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng) là: 423.500*** cổ phiếu (theo phương án phát hành thêm cổ phiếu đã được thông qua ngày 31/8/2007, toàn bộ số cổ phần phát hành thêm cho cán bộ công nhân viên, cổ đông hiện hữu phải nắm giữ trong vòng 1 năm. Những cổ phiếu này sẽ được tự do chuyển nhượng sau ngày 10/10/2008).

**Bảng 19:** Chi tiết về cổ phần hạn chế chuyển nhượng

Stt	Họ và tên	Chức danh	SL CK sở hữu (CP)	SL CK hạn chế chuyển nhượng theo ND 14/2007/NĐ-CP		SL CK hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Công ty (không bao gồm số lượng CK của thành viên HĐQT, ban TGD, BKS, KTT)
				SL CK cam kết nắm giữ trong 6 tháng (CP)	SLCK cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm (CP)	
1	Ô. Từ Long	Chủ tịch HĐQT	92.000	92.000	46.000	
2	Ô. Lu Hồng Chiêu	Phó Chủ tịch HĐQT – kiêm Phó TGD	101.500	101.500	50.750	
3	Ô. Nguyễn Doãn Lê Minh	UVHĐQT	107.500	107.500	53.750	
4	Bà Nguyễn Thị Hợp	UVHĐQT	74.000	74.000	37.000	
5	Ô. Nguyễn Hà Thanh	UVHĐQT	62.000	62.000	31.000	
6	Ô. Đặng Anh Phương	UV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	206.500	206.500	103.250	
7	Ô. Hoàng Hà	UV HĐQT kiêm Phó TGD	36.500	36.500	18.250	
8	Ông Vũ Bình Minh	Trưởng BKS	15.500	15.500	7.750	
7	Bà Đỗ Liên Hương	TV BKS	13.000	13.000	6.500	
8	Ô. Trần Minh Tân	TV BKS	0	0	0	
9	Ô. Lê Việt Thắng	Phó TGD	26.500	26.500	13.250	
10	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	KTT	31.500	31.500	15.750	
	<b>Cô đồng và cán bộ công nhân viên khác sở hữu cổ phần phát hành thêm (danh sách đính kèm)</b>					<b>423.500</b>
	<b>Tổng cộng</b>		<b>766.500</b>	<b>766.500</b>	<b>383.250</b>	<b>423.500</b>

(Nguồn: Công ty cổ phần Truyền thông số 1)

## 5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

$$= (\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng, phúc lợi}) / \text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}$$

Tại thời điểm 31/12/2007, giá trị sổ sách của cổ phiếu của Công ty cổ phần Truyền thông số 1 là  $(24.844.762.516 - 0) / 2.000.000 = 12.422$  đồng/cổ phần.

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Hiện nay, Công ty không có cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông số 1 theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg.

## 7. Các loại thuế có liên quan:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty hiện đang áp dụng là 28%
- Thuế VAT
  - ✓ Thiết bị mạng, máy tính: 5%
  - ✓ Tổng đài điện thoại, cáp quang, máy in, dây cáp mạng... 10%
  - ✓ Phần mềm: không chịu thuế
  - ✓ Dịch vụ đào tạo: 0%

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức Tư vấn

- ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)
  - ✓ Trụ sở chính  
Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 08. 824 2897 Fax: 08. 824 7430  
Email: [ssi@ssi.com.vn](mailto:ssi@ssi.com.vn) Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)
  - ✓ CN Nguyễn Công Trứ - Công ty Chứng khoán Sài Gòn  
180-182 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1. HCM  
Điện thoại: 08. 821 8567 Fax: 08. 291 0590
  - ✓ CN Công ty Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội  
1C Ngô Quyền – Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.9366321

Fax: 04.9366311

✓ *CN Trần Bình Trọng – Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

25 Trần Bình Trọng – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 04. 942 6718

Fax: 04. 942 6719

✓ *CN Hải Phòng - Công ty Chứng khoán Sài Gòn*

22 Lý Tự Trọng - quận Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: 031 356 9123

Fax: 031 356 9130

## 2. Tổ chức Kiểm toán

❖ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 8272 295

Fax: 08 8272 300

## VII. PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- **Phụ lục 2:** Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết cổ phiếu;
- **Phụ lục 3:** Quyết định của HĐQT về việc thông qua hồ sơ niêm yết;
- **Phụ lục 4:** Các báo tài chính kiểm toán năm 2006 - 2007;
- **Phụ lục 5:** Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- **Phụ lục 6:** Sổ đăng ký cổ đông;
- **Phụ lục 7:** Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- **Phụ lục 8:** Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan;
- **Phụ lục 9:** Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát;
- **Phụ lục 10:** Hợp đồng tư vấn niêm yết;
- **Phụ lục 11:** Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin;
- **Phụ lục 12:** Cam kết xây dựng quy chế quản trị Công ty;
- **Phụ lục 13:** Các tài liệu khác.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2008*

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUYỀN THÔNG SỐ 1  
P. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**LƯ HỒNG CHIỀU**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**